

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG



*Giấy phép hoạt động số 0034/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 04/05/1993
Giấy phép thành lập số 848/GP-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
cấp ngày 26/07/1993*

*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300610408-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 04/08/1993 số đăng ký 059074, đăng ký thay đổi lần
thứ 19 ngày 26/10/2009)*

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số:...../UBCK-GCN
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....tháng.....năm.....)*

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: 2C, Phố Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA (SBB)

Trụ sở: Lầu 5-6, 2C Phố Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84) 8 3914 3399

Fax: (84) 8 3914 3388

Email: info@sbsj.com.vn

Website: www.sbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Trần Thị Việt Ánh

Chức vụ: Tổng Giám đốc – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương

Địa chỉ: 2C Phố Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3.9.143.183 - Fax: (08) 3.9.143.193

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG



*Giấy phép hoạt động số 0034/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 04/05/1993
Giấy phép thành lập số 848/GP-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh*

cấp ngày 26/07/1993

*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300610408-1 do Sở Kế hoạch và
Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 04/08/1993 số đăng ký 059074,
đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 26/10/2009)*

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.
Giá bán : - Cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
- Bán cho các nhà đầu tư trong nước bên ngoài: theo giá thỏa thuận với mức giá và điều kiện phù hợp nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
Tổng số lượng chào bán : 150.000.000 cổ phần (Một trăm năm mươi triệu cổ phần)
Tổng giá trị chào bán : 1.500.000.000.000 đồng (theo mệnh giá).
(Thành tiền bằng chữ : Một ngàn năm trăm tỷ đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA (SBB)

Trụ sở: Lầu 5-6, 2C Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84) 8 3914 3399

Fax: (84) 8 3914 3388

Email: info@sbbsjsc.com.vn

Website: www.sbbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08)8 3930 5163

Fax: (08)8 3930 4281



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Địa chỉ: Số 27 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08)8 3848 5983

Fax: (08)8 35471838

MỤC LỤC

PHẦN I	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	5
1.	Rủi ro về lãi suất	5
2.	Rủi ro về tín dụng	6
3.	Rủi ro về ngoại hối.....	6
4.	Rủi ro về thanh khoản.....	7
5.	Rủi ro từ các hoạt động bảo lãnh	7
6.	Rủi ro luật pháp.....	8
7.	Rủi ro trong việc phát hành.....	8
8.	Rủi ro về việc sử dụng vốn từ đợt chào bán và các dự án đầu tư	8
9.	Rủi ro bất khả kháng.....	9
10.	Rủi ro từ việc Ngân hàng tiếp tục chào bán cổ phiếu trong thời gian tới	9
11.	Rủi ro pha loãng cổ phiếu	10
PHẦN II	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH	
	ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1.	Tổ chức phát hành.....	12
2.	Tổ chức tư vấn	12
PHẦN III	CÁC KHÁI NIỆM	13
PHẦN IV	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
2.	Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng	21
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng	23
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	25
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.	26
6.	Hoạt động kinh doanh.....	28
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất.....	39

8.	Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành	45
9.	Chính sách đối với người lao động	51
10.	Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức	54
11.	Tình hình tài chính	54
12.	Danh sách và sơ yếu lý lịch Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	55
13.	Tài sản	69
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	70
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận	71
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	73
17.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	73
PHẦN V	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	74
1.	Loại cổ phiếu	74
2.	Mệnh giá	74
3.	Tổng số cổ phần dự kiến chào bán	74
4.	Giá chào bán dự kiến	74
5.	Phương pháp tính giá	74
6.	Phương thức phân phối	74
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	76
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	77
9.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	77
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	78
11.	Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua chứng khoán.....	78
PHẦN VI	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU	80
PHẦN VII	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	81
PHẦN VIII	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	82
PHẦN IX	PHỤ LỤC.....	83



CÁC BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Saigonbank.....	21
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Ngân hàng	25
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập	26
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	26
Bảng 5: Tình hình nguồn vốn huy động.....	29
Bảng 6: Tình hình dư nợ tín dụng	30
Bảng 7: Cơ cấu dư nợ theo đối tượng	31
Bảng 8: Cơ cấu cho vay theo phân ngành.....	31
Bảng 9: Tình hình dư nợ cho vay khách hàng theo loại hình cho vay.....	32
Bảng 10: Tình hình chất lượng hoạt động tín dụng	33
Bảng 11: Tình hình doanh số thanh toán quốc tế và thanh toán ngoại tệ	34
Bảng 12: Số lượng thẻ Saigonbank đã phát hành	34
Bảng 13: Doanh số sử dụng thẻ do Saigonbank phát hành.....	35
Bảng 14: Tình hình góp vốn liên kết liên doanh tại thời điểm 31/3 /2010	36
Bảng 15: Tình hình hoạt động của Saigonbank so với một số Ngân hàng TMCP	39
Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh của Saigonbank	39
Bảng 17: Tỷ lệ dự phòng theo từng loại nợ	42
Bảng 18: Khấu hao tài sản.....	43
Bảng 19: Trích lập các quỹ	44
Bảng 20: Số lượng lao động phân theo cấp quản lý.....	45
Bảng 21: Số lượng lao động phân theo trình độ học vấn.....	51
Bảng 22: Tình hình thu nhập của CB CNV qua các năm	51
Bảng 23: Tình hình tỷ lệ cổ tức qua các năm.....	52
Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	54
Bảng 25: Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2009.....	68
Bảng 26: Giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2009	69
Bảng 27: Kế hoạch lợi nhuận Saigonbank trong các năm tới.	69

CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Saigonbank	22
Biểu đồ 2: Cơ cấu vốn huy động	29
Biểu đồ 3: Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng	30
Biểu đồ 4: Dư nợ theo ngành kinh tế tính đến thời điểm 31/12/2009	32
Biểu đồ 5: Hoạt động thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ	34
Biểu đồ 6: Tình hình phát triển thẻ nội địa.....	35

PHẦN I

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại có nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, yếu tố bất khả kháng nên không tránh khỏi rủi ro, gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh và uy tín của chính Ngân hàng và có tính lây chuyên, ảnh hưởng rất mạnh đến toàn bộ đời sống, kinh tế, chính trị của một quốc gia. Rủi ro hầu như có mặt trong từng nghiệp vụ ngân hàng. Muốn có lợi nhuận phải chấp nhận rủi ro. Hiệu quả kinh doanh của ngân hàng tùy thuộc vào năng lực quản trị rủi ro của mỗi ngân hàng, quản trị rủi ro là một nội dung quan trọng mà các cấp lãnh đạo, quản lý, điều hành phải đặc biệt quan tâm. Vì vậy, những nhà quản trị ngân hàng cần được trang bị các kiến thức về quản trị rủi ro, cung cấp những thông tin kinh tế cập nhật, có đội ngũ tham mưu chuyên nghiệp và bộ máy kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ hiệu quả là điều kiện cần thiết để phòng ngừa, hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập thị trường tài chính, hoạt động dịch vụ tài chính – ngân hàng ngày càng phát triển mạnh mẽ đang đòi hỏi ngành ngân hàng phải có những cải cách để nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong từng hoạt động dịch vụ. Các loại rủi ro ngân hàng thường gặp trong hoạt động kinh doanh ngân hàng có ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:

1. Rủi ro về lãi suất:

Rủi ro về lãi suất là rủi ro xảy ra khi có sự tác động của các yếu tố kinh tế thị trường làm lãi suất thị trường tăng cao, vì lý do cạnh tranh buộc các ngân hàng phải thay đổi lãi suất cho phù hợp với sự thay đổi lãi suất trên thị trường. Điều này sẽ ảnh hưởng đến thu nhập và chi phí của ngân hàng. Đa số nguồn vốn Saigonbank huy động vào đều là nguồn vốn ngắn hạn và khoản cho vay ra phần lớn là cho vay ngắn hạn, nên sự tác động này chỉ xảy ra trong thời gian ngắn. Giá của chứng khoán sẽ thay đổi theo hướng ngược lại với lãi suất thị trường, khi lãi suất thị trường tăng, giá chứng khoán sẽ giảm và ngược lại.

Năm 2009, trong 06 tháng đầu năm, thực hiện chỉ đạo của Chính Phủ, NHNN về việc thực hiện chính sách kích cầu, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tăng trưởng tín dụng VND của các ngân hàng tăng mạnh, trong khi huy động và cho vay bằng USD rất yếu. Trong 06 tháng cuối năm, nhằm ngăn chặn nguy cơ tái lạm phát, NHNN chỉ đạo các NHTM hạn chế việc tăng trưởng tín dụng đồng thời thắt chặt chính sách tiền tệ nên tăng trưởng huy động VND của các NHTM chậm lại, ngoại tệ phục vụ thanh toán khan hiếm do tình trạng DN được hưởng lợi từ chính sách kích cầu nên găm giữ ngoại tệ; từ đó ngoại tệ phục vụ thanh toán khan hiếm nên đẩy tỷ giá lên cao, thanh khoản của hệ thống ngân hàng luôn trong tình trạng gay gắt., tạo nên sự dịch chuyển

dòng vốn huy động từ Ngân hàng này sang Ngân hàng khác, các Ngân hàng buộc phải chi trả lãi suất lớn hơn cho nguồn vốn huy động được.

Để hạn chế rủi ro về lãi suất, Saigonbank hoạt động theo cơ chế lãi suất cạnh tranh, thả nổi theo thị trường mỗi khi lãi suất thị trường biến động nhưng vẫn tuân thủ các thoả thuận trong Hiệp hội Ngân hàng, chấp hành quy định của Ngân hàng Nhà nước về mức lãi suất trần và giới hạn tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn, một mặt hạn chế rủi ro thanh khoản...nhằm tăng khả năng cạnh tranh giành thị phần và hạn chế rủi ro về lãi suất.

2. Rủi ro về tín dụng

Hoạt động tín dụng được xem là hoạt động truyền thống chủ chốt, gắn liền với sự tồn tại của ngân hàng. Chính vì vậy, rủi ro về tín dụng được xem là rủi ro cơ bản nhất trong tất cả các loại rủi ro có thể xảy ra với ngân hàng. Rủi ro về tín dụng xảy ra khi khách hàng trả lãi và gốc không đúng hạn, không trả, hoặc trả không đầy đủ cho ngân hàng khi đến hạn thanh toán.

Lãi suất huy động tăng kéo theo lãi suất cho vay tăng trong những tháng cuối năm 2009. Lãi suất cho vay tăng khiến cho nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên ảnh hưởng đến việc trả nợ cho Ngân hàng.

Để quản lý, kiểm soát được những rủi ro về tín dụng, Saigonbank đã thiết lập và thực hiện các chủ trương, chính sách của NHNN và của Ngân hàng nhằm hạn chế tối thiểu những rủi ro tín dụng có thể xảy ra và chủ động đối phó được với những rủi ro xảy ra trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

Căn cứ theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc NHNN ban hành quy định phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, Ban Tổng Giám Đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các chi nhánh và các phòng ban chức năng nhằm thực hiện việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro về tín dụng trong hoạt động ngân hàng tại Saigonbank.

Chủ tịch HĐQT Saigonbank cũng đã ban hành Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Saigonbank theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 và Quyết Định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 của NHNN. Căn cứ theo quyết định này, Saigonbank củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng thông qua việc phân loại nợ và chọn lọc khách hàng, cho vay có tài sản đảm bảo, thu lãi kịp thời và đầy đủ. Saigonbank thường xuyên tổ chức rà soát, sàng lọc và duy trì các khách hàng có uy tín để đảm bảo an toàn chất lượng hoạt động tín dụng. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên và theo định kỳ hằng năm nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống. Các khoản cho vay phần lớn có tài sản thế chấp, được đăng

ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định, thủ tục công chứng đầy đủ nên góp phần đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng công tác tín dụng.

3. Rủi ro về ngoại hối :

Rủi ro về ngoại hối phát sinh liên quan đến trạng thái ngoại hối mở đối với những hoạt động mua bán mang tính đầu cơ. Trạng thái ngoại hối mở thường được thực hiện trong các giao dịch giữa các ngân hàng với nhau trên thị trường ngoại hối và đặc biệt là đối với những ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư lớn là những ngân hàng tạo thị trường bằng cách niêm yết tỷ giá mua bán hai chiều "Bid – Ask" đối với ngoại tệ giao dịch. Khía cạnh thứ hai của rủi ro về ngoại hối mà các ngân hàng phải chịu là sự không cân xứng giữa tài sản có và tài sản nợ đối với từng loại ngoại tệ. Do tính chất toàn cầu hóa, thị trường tài chính đã tạo ra những khả năng to lớn để tăng ngoại tệ của các ngân hàng bằng các ngoại tệ khác nhau. Đây là lợi thế to lớn không những đa dạng hóa nguồn vốn và sử dụng vốn bằng ngoại tệ, mà còn tạo ra những cơ hội để tăng được lợi tức đầu tư và giảm được chi phí vốn huy động.

Việc kinh doanh ngoại tệ của Saigonbank đã cung ứng đủ ngoại tệ cho hoạt động thanh toán, bảo đảm các tỷ lệ an toàn và các biện pháp phòng chống rủi ro theo quy định của NHNN trong kinh doanh ngoại hối. Saigonbank luôn duy trì một sự cân xứng tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ; duy trì trạng thái ngoại hối rỗng ở mức hợp lý; đào tạo đội ngũ cán bộ có khả năng phân tích và dự báo các nhân tố ảnh hưởng tới sự biến động tỷ giá của các loại đồng tiền, trên cơ sở đó có quyết định đúng đắn về các hợp đồng mua bán ngoại tệ.

4. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro về thanh khoản là rủi ro xảy ra khi ngân hàng không thể đáp ứng được yêu cầu rút tiền ồ ạt của khách hàng khi bị tác động của các yếu tố môi trường bên ngoài như: lãi suất huy động ở các ngân hàng khác tăng cao, tin đồn ảo thất thiệt về hoạt động ngân hàng - nơi khách hàng đang gửi tiền... Rủi ro về thanh khoản là rủi ro rất thực tế và thường gặp trong hoạt động ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro về thanh khoản, Saigonbank tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và thanh khoản trong hoạt động Ngân hàng, Saigonbank dựa trên các cơ sở dữ liệu quá khứ, dự đoán tình hình thị trường trong thời gian tới, tính toán chính xác nhu cầu thanh toán của ngân hàng để thực hiện dự trữ hợp lý, không để nguồn vốn quá dư thừa gây lãng phí vốn và ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng; quản lý tài sản có hiệu quả, tạo tính ổn định cao để không tạo ra những cú sốc rút tiền ồ ạt, đồng thời dự báo tốt nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ để có thể chủ động chuẩn bị nguồn vốn chi trả kịp thời.

5. Rủi ro từ các hoạt động bảo lãnh

Các hoạt động bảo lãnh của Saigonbank bao gồm các cam kết, bảo lãnh và các tài sản, giấy tờ có giá... mà Ngân hàng đang nắm giữ trong quá trình hoạt động. Các hoạt động này là hoạt động thuần túy của Ngân hàng, hoạt động này được hạch toán ngoại bảng, rủi ro xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, hay phía đối tác không thực hiện như các cam kết đã nêu, những tổn thất xảy ra sẽ được hạch toán nội bảng. Hay những giao dịch kỳ hạn nếu không thực hiện được sẽ là nguồn phát sinh rủi ro dẫn đến những sai lệch so với kế hoạch, ảnh hưởng đến những thông tin tài chính công bố cho người đầu tư khi niêm yết sẽ gây ra những ấn tượng không tốt về Ngân hàng. Đối với Saigonbank, các hoạt động này gây ra ảnh hưởng không đáng kể, vì chính những điều kiện trong hoạt động cam kết bảo lãnh như ký quỹ, tài sản đảm bảo cho khoản được bảo lãnh, trong trường hợp nếu có rủi ro xảy ra ngoài dự tính của ngân hàng là không đáng kể.

6. Rủi ro luật pháp

Lĩnh vực tài chính – tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt hoạt động của xã hội. Rủi ro luật pháp liên quan đến việc sai sót hay sự cố về công nghệ thông tin, dẫn đến thiệt hại cho Ngân hàng, khách hàng và cả các đối tác. Chính vì vậy, ngoài những văn bản quy phạm pháp luật chung của Nhà nước, hoạt động Saigonbank còn được điều chỉnh bởi một hệ thống các văn bản luật và dưới luật của NHNN.

Do vậy, việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là văn bản của NHNN đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Saigonbank. Tuy nhiên, với tình hình tài chính minh bạch, kinh nghiệm quản trị, điều hành và kiểm soát được đúc kết qua nhiều năm hoạt động, cùng với định hướng phát triển ổn định của NHNN trong quản lý chính sách tiền tệ những năm gần đây đã tạo điều kiện thuận lợi cho Saigonbank thích ứng nhanh với thay đổi của các quy phạm pháp luật có liên quan.

7. Rủi ro trong việc phát hành:

Theo kế hoạch phát hành cổ phần năm 2010, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2010, Saigonbank sẽ phát hành 150 triệu cổ phần. Trong quá trình phát hành, Saigonbank có sử dụng dịch vụ tư vấn của Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya nhưng có thể gặp rủi ro do không bán hết số cổ phần chào bán trong quá trình phát hành. Bên cạnh đó, từ năm 2009 đến nay, tính thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường OTC không cao, khối lượng giao dịch nhỏ nên việc phát hành của Saigonbank có thể gặp khó khăn trong việc phát hành, đồng thời trong năm 2010, hầu hết các NHTMCP nhỏ đều buộc phải tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ trở lên nên các nhà đầu tư có nhiều cơ hội lựa chọn để đầu tư cổ phiếu .

Tuy nhiên, do đặc thù của Saigonbank là các cổ đông lớn hiện đang nắm các chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị chiếm **80,72%** vốn điều lệ nên sau khi được Hội Đồng Quản trị thông qua và đăng ký mua, phương án phát hành và phương án sử dụng vốn từ

đợt chào bán hoàn toàn mang tính khả thi. Đồng thời, sau khi số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu và các đối tác trong nước bên ngoài, số cổ phần còn lại không bán hết sẽ tiếp tục bán đợt 03 cho các cổ đông hiện hữu (trong đó có các cổ đông thành viên HĐQT) nên việc chào bán sẽ đảm bảo đúng tiến độ và phát hành hết số lượng cổ phần chào bán cho các đối tượng dự kiến.

8. Rủi ro về việc sử dụng vốn từ đợt chào bán vào các dự án đầu tư:

Theo Quyết định 13/2008/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 29/4/2008 ban hành quy định về mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Thương mại, mức vốn điều lệ tối thiểu để thành lập 01 Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội là 100 tỷ đồng, các tỉnh khác là 50 tỷ đồng nên để tiếp tục thực hiện kế hoạch thành lập các chi nhánh, Saigonbank buộc phải tăng vốn để thành lập các chi nhánh theo quy định của NHNN. Ngoài ra, theo Quyết định 141 của Chính Phủ, các ngân hàng cổ phần bắt buộc phải tăng vốn theo lộ trình là vốn điều lệ tối thiểu phải đạt mức 3.000 tỷ đồng đến cuối năm 2010.

Về việc Ngân hàng tham gia góp vốn thành lập công ty cổ phần chứng khoán: với bối cảnh lạm phát và suy giảm kinh tế, tình hình thị trường chứng khoán sụt giảm do còn hạn chế trong cơ chế quản lý để phát triển thị trường, các công ty chứng khoán phải đối mặt với nguy cơ thua lỗ do hoạt động tự doanh, nguy cơ giải thể-hợp nhất -phá sản có thể xảy ra do thiếu kiểm tra kiểm soát, các công ty chứng khoán nhỏ không có thị phần, thị trường giao dịch khan hiếm nhà đầu tư... nhưng đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya – *thành lập sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán thẩm định và đánh giá hiệu quả trước khi cấp giấy phép hoạt động*- là Công ty có sự tham gia góp vốn của cổ đông nước ngoài là Tập đoàn Berjaya (Malaysia), tập đoàn có nhiều năm kinh nghiệm về kinh doanh chứng khoán tại thị trường chứng khoán Malaysia nên có chiến lược, chiến thuật riêng trong việc kinh doanh chứng khoán tại thị trường Việt nam, đặc biệt Công ty rất thận trọng về hoạt động tự doanh trong xu thế thị trường chứng khoán đi xuống như Việt Nam hiện nay để phòng tránh các rủi ro trong hoạt động tự doanh chứng khoán.

Việc mở rộng danh mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá như trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu...sẽ gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng từ chênh lệch giá, cổ tức. Tuy nhiên, giá chứng khoán trên thị trường luôn biến động và chịu ảnh hưởng tác động của rất nhiều yếu tố khác nhau như tình hình kinh tế, chính trị, tâm lý, nhất là trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế đang suy giảm, giá cổ phiếu trên thị trường đang sụt giảm sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận của ngân hàng. Tuy nhiên, đối với danh mục đầu tư của Ngân hàng chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước nên hầu như không có rủi ro, còn đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu và góp vốn đầu tư Ngân hàng đều mua với giá trị bằng mệnh giá nên hầu như rủi ro về biến động giá chứng khoán là không đáng kể.

9. Rủi ro bất khả kháng

Rủi ro này xảy ra ngoài dự tính của con người như: thiên tai, dịch bệnh, động đất, hỏa hoạn, chiến tranh... ảnh hưởng đến tâm lý và thu nhập của khách hàng. Để hạn chế tối

thiếu những rủi ro có thể xảy đến cho ngân hàng, Saigonbank có nhiều biện pháp như cho vay phân tán, mua bảo hiểm cho những khoản cho vay lớn, hay động viên khách hàng mua bảo hiểm trong những giao dịch cần thiết để dự phòng cho những rủi ro không may xảy ra.

10. Rủi ro từ việc ngân hàng tiếp tục chào bán cổ phiếu trong thời gian tới.

Theo Quyết nghị Đại Hội Đồng cổ đông ngày 05/12/2008, năm 2008 ngân hàng sẽ ngưng việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và do không còn thời gian để phát hành trái phiếu chuyển đổi nên Ngân hàng chỉ phát hành trực tiếp bằng cổ phần để hoàn thành việc tăng vốn lên 3.000 tỷ đồng trong năm 2010 theo lộ trình do Chính phủ quy định. Chính vì thế, rủi ro từ việc Ngân Hàng phát hành trái phiếu chuyển đổi trong năm 2010 hoàn toàn được loại trừ.

11. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Rủi ro khi Ngân hàng tiếp tục chào bán thêm cổ phần tăng vốn điều lệ, sau đợt phát hành năm 2010, có thể sẽ gây ra hiệu ứng pha loãng giá trị các cổ phiếu, dẫn tới gia tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành, làm ảnh hưởng đến lợi ích của người nắm giữ cổ phiếu.

Khi tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận thấp hơn tốc độ pha loãng cổ phiếu thì hậu quả sẽ là lợi nhuận trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ giảm và ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Sự pha loãng cũng sẽ dẫn đến giá cổ phiếu trên thu nhập cổ phiếu (P/E) cao. Tuy nhiên, một mình P/E không thể đánh giá toàn bộ bức tranh về một doanh nghiệp hay một thị trường chứng khoán, P/E chỉ nói lên sự kỳ vọng của thị trường đối với cổ phiếu hơn là về mức độ đắt hay rẻ.

Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra 3 ảnh hưởng:

- Phần trăm sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện thời có thể giảm xuống;
- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu có thể suy giảm do thu nhập được chia cho một số lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên, điều này phần nào phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành. Nếu việc sử dụng vốn đưa lại cho Ngân hàng hiệu quả kinh tế cao thì sẽ làm tăng thu nhập và dẫn đến tăng thu nhập trên mỗi cổ phiếu.

Phân tích thay đổi thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) trước và sau khi phát hành:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- *EPS năm 2009 trước khi phát hành cổ phiếu:*

$$\text{EPS}_{2009} = \frac{210.106.000.000}{150.000.000} = 1.400,7 \text{ đồng/cổ phần}$$

▪ *EPS năm 2010 trước khi phát hành cổ phiếu:*

Dự kiến hoàn thành đợt phát hành đến 31/12/2010 nên EPS năm 2010 vẫn được tính theo vốn điều lệ của Ngân hàng là 1.500.000.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo kế hoạch là 244 tỷ đồng.

Do đó, EPS năm 2010 của Ngân hàng dự kiến như sau:

$$EPS_{2010} = \frac{244.000.000.000}{150.000.000} = 1.626,66 \text{ đồng/cổ phần}$$

▪ *EPS năm 2011 sau khi phát hành 150.000.000 cổ phiếu*

Sau khi hoàn thành đợt phát hành dự kiến 31/12/2010. Từ 01/01/2011 trở đi, vốn điều lệ của Ngân hàng là 3.000.000.000.000 đồng; Lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo kế hoạch là 460 tỷ đồng.

Với giả thiết trên thì EPS năm 2011 của Ngân hàng dự kiến là:

$$EPS_{2011} = \frac{460.000.000.000}{300.000.000} = 1.533,33 \text{ đồng/cổ phần}$$

– Giá trị của từng cổ phiếu của Ngân hàng có thể giảm xuống.

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Saigonbank:

Giá trị sổ sách = [Tổng tài sản – (Tài sản vô hình + Nợ)] / Số cổ phiếu đang lưu hành

CHỈ TIÊU	Trước khi phát hành	Sau khi phát hành
Tổng tài sản	11.998.622.437.917	15.485.000.000.000
Tài sản vô hình	21.226.040.506	24.000.000.000
Tổng nợ	10.005.867.286.576	11.540.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	150.000.000	300.000.000
Giá trị sổ sách	13.144	13.070

Với việc định giá như trên, sau khi hoàn thành đợt phát hành 150.000.000 cổ phiếu, giá trị sổ sách của Ngân hàng ước tính là **13.070 đồng/cổ phiếu**. Trong nội dung phương án phát hành cho cổ đông, giá chào bán cho các cổ đông của Ngân hàng là **10.000 đồng/cổ phiếu**. Do đó, phương án phát hành của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương là khả thi.

Nếu Ngân hàng hoạt động kinh doanh hiệu quả trên số vốn thu được thì sẽ tạo ra mức tăng trưởng lợi nhuận cao làm gia tăng giá trị cổ phiếu cho các cổ đông trong dài hạn.

PHẦN II**NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH
ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

Ông Nguyễn Phước Minh	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Việt Ánh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Hứa Tuấn Cường	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Hữu Hạnh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng phát triển của Ngân hàng và các chi nhánh, công ty trực thuộc Ngân hàng trong tương lai, cũng như đánh giá về cổ phiếu của Ngân hàng.

2. Tổ chức tư vấn:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA (SBB)**

Bà Yei Pheck Joo	Chức vụ: Tổng Giám đốc
------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn phát hành với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng cung cấp.

PHẦN III

GIẢI THÍCH CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Nhóm từ	Giải thích từ ngữ
Ngân hàng	<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0034/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 04/05/1993, sau đây gọi tắt là Saigonbank</i>
Nợ quá hạn	<i>Khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn</i>
Nợ khó đòi	<i>Các khoản nợ được hạch toán trên tài khoản nợ khó đòi, bao gồm nợ quá hạn trên 360 ngày, nợ trong hạn và quá hạn đến 360 ngày có cơ sở xác định là không có khả năng thu hồi</i>
Nợ nhóm 1	<i>Còn gọi là Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm: các khoản nợ trong hạn mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn hoặc các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và tổ chức tín dụng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại</i>
Nợ nhóm 2	<i>Còn gọi là Nợ cần chú ý, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><i>- Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.</i><i>- Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.</i>
Nợ nhóm 3	<i>Còn gọi là Nợ dưới tiêu chuẩn, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><i>- Các khoản nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày.</i><i>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân loại vào nhóm 2.</i><i>- Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.</i>
Nợ nhóm 4	<i>Còn gọi là Nợ nghi ngờ, bao gồm:</i> <ul style="list-style-type: none"><i>- Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày.</i><i>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.</i><i>- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.</i>
Nợ nhóm 5	<i>Còn gọi là Nợ có khả năng mất vốn, bao gồm</i>

- Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai.
- Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.
- Các khoản nợ khoanh, nợ chờ xử lý.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- ATM Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động
- BKS Ban kiểm soát
- BTGD Ban Tổng Giám đốc
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- HĐQT Hội đồng quản trị
- D/A Document against Acceptance – Nờ thu trả ngay
- D/P Document against Payment – Nờ thu trả chậm
- GDP Gross domestic product – Tổng sản phẩm nội địa
- L/C Letter of Credit – Thư tín dụng
- NHNN Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- EPS Earning per share- Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (cổ tức).
- P/E Price per earning - Chỉ số giá trên thu nhập cổ phần.
- CAR Capital Adequacy Ratio – Chỉ số an toàn vốn
- ROA Return on Asset – Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
- ROE Return on Equity – Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
- TMCP Thương mại cổ phần
- TSCĐ Tài sản cố định
- SGDCK Sở Giao dịch Chứng khoán
- UBCKNN Ủy Ban Chứng khoán nhà nước
- WTO World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới

PHẦN IV

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu tổ chức phát hành

Tên tổ chức: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG
Tên giao dịch: SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG
Tên tiếng Anh: SAI GON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE
Tên viết tắt: SAIGONBANK
Logo:



Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng (Một ngàn năm trăm tỷ đồng)
Trụ sở chính : 2C Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 39.143.183
Fax : (08) 39.143.193
Website : www.saigonbank.com.vn
Email : saigonbank@hcm.vnn.vn
Giấy phép thành lập: 848/GP-UB ngày 26/07/1993 của Ủy ban Nhân dân TPHCM
Giấy phép hoạt động: Số 0034/NH-GP ngày 04/05/1993 của NHNNVN
Giấy CNĐKKD và đăng ký thuế: Số 0300610408-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 04/08/1993 số đăng ký 059074, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 26/10/2009)
Tài khoản tiền số : 453100801 tại NHNN Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Ngành nghề kinh doanh :

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi.
- Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác.
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn.
- Chiết khấu thương phiếu, cổ phiếu và giấy tờ có giá.

- Hùn vốn liên doanh.
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng.
- Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế.
- Huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép.
- Mua bán chế tác, gia công vàng.
- Dịch vụ cầm đồ.
- Phát hành thẻ nội địa SaigonBank Card.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương là pháp nhân được thành lập theo Giấy phép hoạt động ngân hàng TMCP số 0034/NH-GP của NHNN ngày 04/05/1993, Giấy phép thành lập công ty số 848/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh ngày 26/07/1993 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300610408-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 04/08/1993 số đăng ký 059074, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 26/10/2009).

Saigonbank là Ngân hàng TMCP đầu tiên (của Tp. Hồ Chí Minh và cả nước), được thành lập trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam hiện nay, ra đời ngày 16/10/1987, trước khi có Luật Công ty và Pháp lệnh Ngân hàng, với vốn điều lệ ban đầu là 650 triệu đồng và thời gian hoạt động là 50 năm.

Sự ra đời của Saigonbank là một bước đột phá trong chỉ đạo của Thành ủy, Ủy Ban Nhân dân TPHCM về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển từ cơ chế bao cấp sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng.

Giai đoạn 1987 – 1990: Khởi đầu với số vốn điều lệ ban đầu chỉ có 650 triệu đồng, mục tiêu cơ bản của Saigonbank trong giai đoạn này là thu hút tiền mặt với lãi suất thị trường thích hợp và cho các doanh nghiệp (kể cả cho vay với thành phần kinh tế tư nhân) vay tiền mặt đáp ứng yêu cầu phát triển và ổn định tình hình kinh tế - chính trị-xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh. Thực hiện mục tiêu trên, Saigonbank đã đạt được một số kết quả nhất định: thu hút được nguồn vốn huy động ngoài lưu thông từ đó nâng cao doanh số cho vay; kết quả kinh doanh đạt mức lợi nhuận tương đối khá theo cơ chế hạch toán kinh doanh XHCN, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách, bảo tồn vốn cổ đông và có lời.

Giai đoạn 1991 – 1997: Giai đoạn này vốn điều lệ của Saigonbank đã tăng lên 99,825 tỷ đồng (năm 1995). Điều đáng chú ý trong gian đoạn này là tình trạng đổ bể các HTX tín dụng, Trung tâm tín dụng tạo ra làn sóng rút tiền và đã ảnh hưởng đến hoạt động của Saigonbank. Trước tình hình đó, Saigonbank đã nỗ lực đề ra những giải pháp củng cố, phát triển hoạt động với nhiều biện pháp nghiệp vụ đa dạng như: tích cực xử lý tồn tại trước năm 1991; đẩy mạnh huy động vốn và cho vay; kinh doanh vàng và ngoại

hối; phát triển hoạt động thanh toán đối ngoại; đầu tư tín phiếu kho bạc,... Những giải pháp trên đã mang lại kết quả khả quan: đưa Saigonbank thoát khỏi nguy cơ đổ vỡ; tình hình tài chính được cải thiện; tạo lòng tin trong CBCNV; uy tín Saigonbank được củng cố và phát triển cả trong và ngoài nước.

Giai đoạn 1998 – nay: Môi trường hoạt động trong giai đoạn này đã chuyển sang giai đoạn hoạt động trong hành lang luật pháp dần được thiết lập với sự ra đời của Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các Tổ chức Tín dụng. Trong bối cảnh nền kinh tế chịu sự ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới, sự phá sản nhiều doanh nghiệp lớn trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh và cả nước, với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể CBCNV, kết hợp những kinh nghiệm được rút ra từ những bài học lớn trong giai đoạn 1991 – 1992, Saigonbank đã vượt qua được những thách thức, đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

Sau gần 23 năm hoạt động, Saigonbank không ngừng tăng vốn điều lệ qua các năm, mạng lưới các chi nhánh cũng được mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Ngoài việc đưa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng có chất lượng, phù hợp với nhu cầu khách hàng, mở rộng mạng lưới hoạt động... với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Saigonbank còn quan tâm và mở rộng hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các cá nhân, công ty liên doanh và các doanh nghiệp nước ngoài... hoạt động trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Saigonbank đã đạt được những thành tích, danh hiệu cao quý như:

Về hoạt động chuyên môn:

- Tạp chí Euromoney bầu chọn Saigonbank là ngân hàng tốt nhất tại Việt Nam năm 1996.
- Thống đốc NHNN tặng bằng khen cho tập thể và các cá nhân có thành tích trong 15 năm xây dựng và phát triển Saigonbank (10/1987 – 10/2002).
- Bằng khen của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho cán bộ viên chức Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương đã có thành tích góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2005.
- Công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho 02 cá nhân có thành tích góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ từ năm 2002 đến năm 2004.
- Kỷ niệm chương Vì Sự nghiệp ngân hàng Việt Nam cho 06 cá nhân.
- Bằng khen của Ủy Ban nhân dân TP.HCM tặng tập thể CBCNV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2005-2009

- Cờ thi đua của Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng tặng cho tập thể CBCNV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2005.
- Giấy khen của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam cho các cá nhân có nhiều thành tích, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2005.
- Giải thưởng về chất lượng điện thanh toán quốc tế năm 2005 do Ngân hàng American Express, New York, Mỹ trao tặng.
- Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho tập thể Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương do đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng năm 2006.
- Công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho 02 cá nhân đã có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua ngành Ngân hàng từ năm 2004 đến năm 2006.
- Bằng khen của ủy ban Nhân dân TP.HCM cho 03 tập thể và 08 cá nhân thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2006.
- Cờ thi đua của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam cho tập thể do đã có nhiều thành tích đóng góp xây dựng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
- Giấy khen của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam cho 04 cá nhân đã có thành tích đóng góp xây dựng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
- Giải thưởng về chất lượng điện thanh toán quốc tế năm 2006 do Ngân hàng Wachovia, N.A., New York trao tặng.
- Giải thưởng về chất lượng điện thanh toán quốc tế năm 2006 do Ngân hàng American Express, New York, Mỹ trao tặng.
- Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng.
- Cờ truyền thống của Ủy ban Nhân dân TP.HCM nhân kỷ niệm 20 năm thành lập đơn vị (1987-2007).
- Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua ngành Ngân hàng năm 2007.
- Bằng khen của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do đã có thành tích xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2006-2007.
- Công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua ngành Ngân hàng năm 2007 cho 03 cá nhân do đã có thành tích xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng từ năm 2005-2007.

Về hoạt động Chi bộ Đảng:

- Đảng bộ Khối Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh tặng giấy khen đạt tiêu chuẩn cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền (2000 – 2009).
- Giấy khen của Đảng bộ Khối Ngân hàng TP.HCM cho 02 cá nhân đạt tiêu chuẩn tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu 02 năm liền (2005-2006).

Về hoạt động Công đoàn:

- Cờ thưởng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động Tp. Hồ Chí Minh về thành tích Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc 03 năm liền (2003, 2004, 2005), (2006, 2007, 2008) và năm 2009.
- Liên hiệp Công đoàn Tp. Hồ Chí Minh tặng bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc 05 năm thực hiện chương trình "Vì người nghèo" (2001 – 2005).
- Giấy khen do Liên đoàn Lao động Tp. HCM và Công đoàn ngành trao tặng về thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn.

Về hoạt động Đoàn Thanh niên:

- Giấy khen của Thành Đoàn TP.HCM do hoàn thành xuất sắc Tháng thanh niên năm 2006.
- Giấy khen của Đoàn khối Ngân hàng TP.HCM do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị tại cơ sở năm 2006.
- Giấy khen của Đoàn khối Ngân hàng Tp. HCM và Cờ thưởng, Bằng khen của Thành đoàn Tp. HCM về danh hiệu Cơ sở Đoàn xuất sắc 03 năm liền (2003, 2004, 2005) năm 2006 và năm 2007.
- Bằng khen của Thành Đoàn TPHCM khen tặng Tập thể hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn và phong trào Thanh niên Khối Ngân hàng năm 2009

Các hoạt động khác:

- Cúp vàng “Vì sự phát triển cộng đồng” năm 2006, năm 2008 ghi nhận thành tích doanh nghiệp vừa làm kinh tế giỏi, vừa quan tâm đến sự phát triển của cộng đồng do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam phối hợp với Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam và Công ty Văn hóa Hà Nội trao tặng.
- Giấy chứng nhận "Thương hiệu Saigonbank là thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn năm 2006" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng.
- Chứng nhận “Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng quốc gia năm 2006” do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam, Cục sở hữu trí tuệ, Viện Sở hữu trí tuệ, Báo Dân trí điện tử - Hội khuyến học Việt Nam, Mạng Nhãn hiệu Việt phối hợp tổ chức và bình chọn.
- Giải thưởng Cúp vàng “Thương hiệu-Nhãn hiệu” lần 2 và Cúp vàng “Doanh nhân tâm tài” lần 1 năm 2007 do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hiệp

hội các doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á, Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc Việt Nam, Viện Tư vấn Phát triển Kinh tế Xã hội Nông thôn và Miền núi và Công ty văn hoá Hà Nội trao tặng.

- Giấy khen của Ủy ban Nhân dân huyện Buôn Đôn do đã có thành tích trong công tác phát triển sự nghiệp giáo dục huyện (hỗ trợ xây dựng trường THCS Nguyễn Trường Tộ).
- Cúp “Vì tương lai con em chúng ta” năm 2007 do Bộ Giáo dục và Đào tạo trao tặng do có thành tích đóng góp vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo của đất nước qua các hoạt động tài trợ cho công tác phát triển giáo dục, đặc biệt là việc tài trợ xây dựng trường THCS Nguyễn Trường Tộ cho con em đồng bào tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đaklak đã góp phần đem ánh sáng văn hóa đến với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.
- Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo do đã có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục-đào tạo của đất nước.
- Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đak Lak do đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đak Lak.
- Cúp vàng “Vì sự phát triển cộng đồng” lần III và cúp “lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc” lần I năm 2008.
- Chứng nhận của Báo Điện tử Vietnam Net công nhận Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương nằm trong Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2007.
- Giải thưởng trí tuệ năm 2008 do Tạp chí Trí tuệ Việt Nam bình chọn.
- Cúp vàng “Thương hiệu – Nhân hiệu” lần III năm 2008 do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hiệp hội các doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội nghiên cứu khoa học Đông Nam Á, Trung tâm nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc Việt Nam, Viện Tư vấn Phát triển Kinh tế Xã hội Nông thôn và Miền núi và Công ty văn hoá Hà Nội trao tặng.
- Bằng khen của Ủy Ban Trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương vì đã có thành tích phát triển thương hiệu trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, đạt Giải thưởng Sao Vàng Phương Nam năm 2008.
- Giải thưởng "Sao vàng đất Việt" dành cho các sản phẩm, thương hiệu tiêu biểu của Việt Nam trong hội nhập quốc tế do Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại, Cục sở hữu trí tuệ và Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế tổ chức trong các năm liền 2006-2008-2009.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

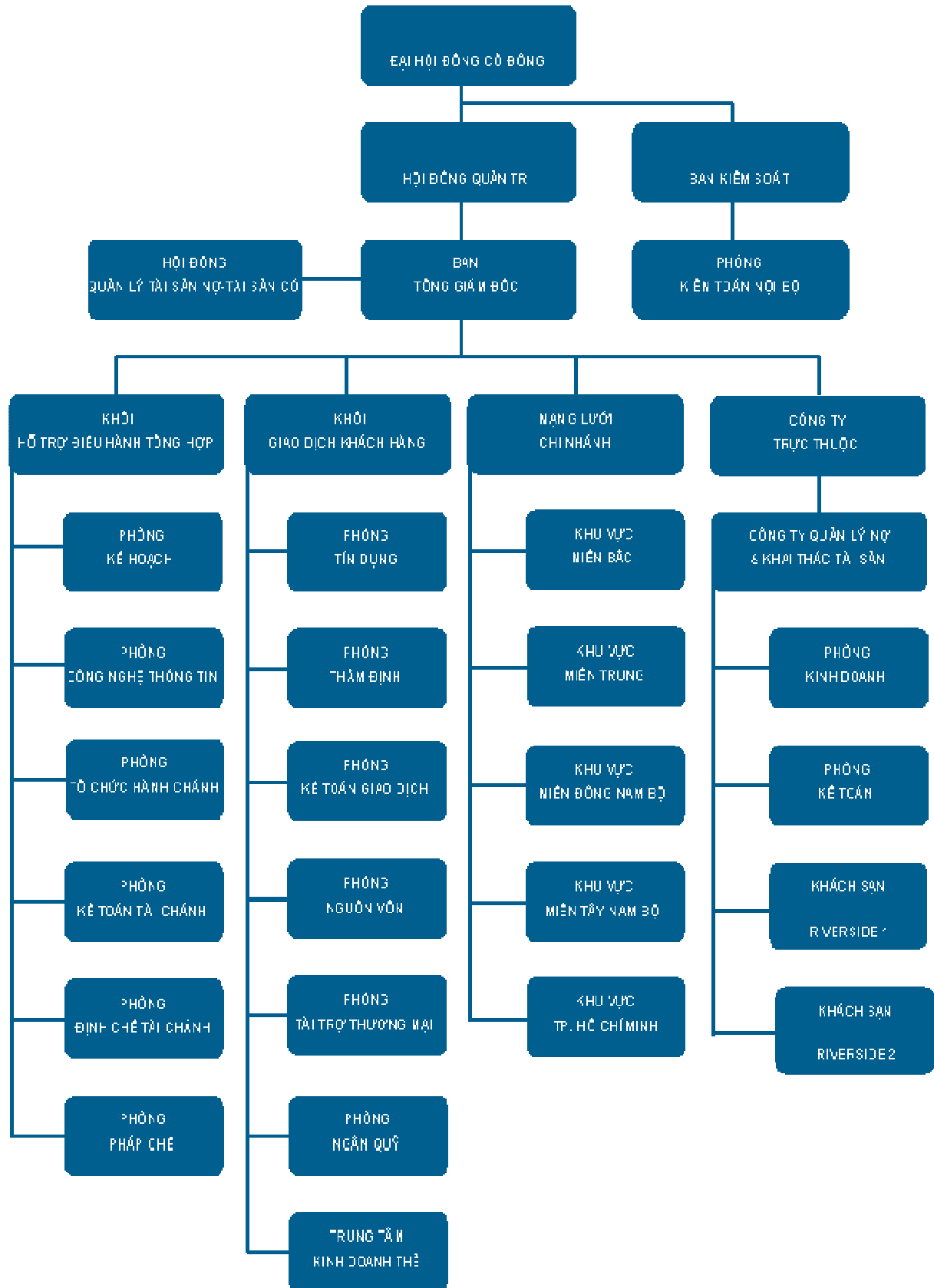
Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Saigonbank

Stt	Năm	Vốn điều lệ (đồng)	Số tiền tăng (đồng)	Tốc độ tăng (%)
1	1987	650.000.000	-	-
2	1990	3.250.000.000	2.600.000.000	400,00
3	1992	9.250.000.000	6.000.000.000	184,62
4	1993	50.540.000.000	41.290.000.000	446,38
5	1995	99.825.000.000	49.285.000.000	97,52
6	2000	144.996.500.000	45.171.500.000	45,25
7	2002	181.996.500.000	37.000.000.000	25,52
8	2003	250.000.000.000	68.003.500.000	37,37
9	2004	303.500.000.000	53.500.000.000	21,40
10	2005	400.000.000.000	96.500.000.000	31,80
11	2006	689.255.000.000	289.255.000.000	72,31
12	2007	1.020.000.000.000	330.745.000.000	47,99
13	3/2009	1.412.000.000.000	392.000.000.000	38,43
14	10/2009	1.500.000.000.000	88.000.000.000	6,23

(Nguồn: Saigonbank)

2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

Biểu đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Saigonbank



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

3.1 Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Saigonbank, tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn do luật pháp và điều lệ Saigonbank quy định.

- **Hội đồng quản trị:** số thành viên của HĐQT của Ngân hàng gồm 06 thành viên.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Saigonbank, quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật, điều lệ Saigonbank và đóng vai trò kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chỉ tiêu do Đại Hội đồng Cổ đông giao.

- **Ban kiểm soát:** số thành viên của BKS gồm 03 thành viên.

BKS là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Saigonbank, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.

3.2. Cơ cấu bộ máy điều hành của Ngân hàng

- **Ban Tổng Giám đốc:** số thành viên của BTGD gồm 04 thành viên.

BTGD là cơ quan chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; thông qua đó kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của các chi nhánh về các chỉ tiêu, công tác do BTGD giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

- **Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc :** (xem sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý)

- Về cơ cấu tổ chức, hiện nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương bao gồm 01 Hội sở có các Phòng chức năng như *Biểu đồ 1- Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Saigonbank*, và đang sở hữu các đơn vị trực thuộc: Trung tâm kinh doanh thẻ, Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản, và mạng lưới Chi nhánh gồm 32 Chi nhánh, 45 Phòng Giao dịch, 03 điểm giao dịch, trong đó chức năng nhiệm vụ các phòng như sau:

1.- Phòng Kế toán giao dịch:

Phòng kế toán giao dịch có chức năng thực hiện các giao dịch trực tiếp với khách hàng về tài khoản tiền gửi, tiết kiệm, chuyển tiền, phát hành và thanh toán séc,...

2.- Phòng Kế toán tài chính:

Phòng kế toán tài chính có chức năng tổ chức thực hiện các giao dịch nội bộ (không trực tiếp với khách hàng) và quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

3.- Phòng Nguồn vốn:

Phòng Nguồn vốn có chức năng kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh chứng khoán, huy động và sử dụng nguồn vốn liên ngân hàng, điều phối, cân đối vốn toàn hệ thống.

4.- Phòng Tài trợ thương mại:

Phòng Tài trợ thương mại có chức năng thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế kèm chứng từ và tài trợ thương mại như tín dụng chứng từ, nhờ thu chứng từ, bảo lãnh ngân hàng,...

5.- Phòng Định chế tài chính:

Phòng định chế tài chính có chức năng thực hiện các mặt công tác liên quan đến ngân hàng nước ngoài, ngân hàng đại lý, các tổ chức nước ngoài nhằm hỗ trợ cho thanh toán quốc tế và các công tác khác có liên quan đến phát triển hoạt động và uy tín Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương trong lĩnh vực quan hệ đối ngoại.

6.- Phòng Thẩm định:

Phòng Thẩm định có chức năng thẩm định tính pháp lý và thẩm định giá trị tài sản thế chấp, cầm cố,...làm căn cứ để phòng Tín dụng xem xét cho vay hoặc giải quyết các nghiệp vụ khác theo tiêu chí hoàn toàn độc lập, khách quan.

7.- Phòng Tín dụng:

Phòng tín dụng là phòng nghiệp vụ trực tiếp giao dịch với khách hàng, có chức năng tham mưu cho BTGD trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện các biện pháp sử dụng vốn qua hình thức cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và bảo lãnh (bằng VND và ngoại tệ) trên cơ sở chế độ thể lệ quy định bảo đảm an toàn vốn và hiệu quả kinh doanh.

8.- Phòng Ngân quỹ:

Phòng Ngân quỹ có chức năng quản lý an toàn kho quỹ, quản lý quỹ tiền mặt theo quy định của NHNN và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

9.- Chức năng, nhiệm vụ Phòng Công nghệ thông tin:

Phòng Công nghệ thông tin có chức năng nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng nhằm mang lại tiện ích cho khách hàng và hiệu quả kinh tế cho Ngân hàng

10.- Phòng Kế hoạch:

Phòng Kế hoạch có chức năng nghiên cứu xây dựng kế hoạch, chiến lược đề xuất phương hướng phát triển hoạt động kinh doanh và biện pháp tổ chức triển khai thực hiện an toàn, hiệu quả phù hợp với pháp luật và thể chế của ngành.

11.- Phòng Tổ chức và hành chính:

Phòng Tổ chức và hành chính có chức năng thực hiện công tác tổ chức cán bộ và đào tạo, thực hiện công tác quản trị và văn phòng, bảo vệ an ninh, an toàn cơ quan

12.- Phòng Pháp chế:

Phòng Pháp chế có chức năng thực hiện các mặt công tác phát sinh trên mọi lĩnh vực hoạt động trong toàn hệ thống có liên quan đến pháp luật, thể chế của ngân

hàng, tham mưu cho BTGD biện pháp xử lý vi phạm có liên quan đến các vụ việc tố tụng tranh chấp tài sản, khiếu nại tố cáo, vi phạm các quy định về phòng, chống rửa tiền.

13.- Trung tâm kinh doanh thẻ: có chức năng quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động kinh doanh thẻ phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Công ty trực thuộc:

Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản: là loại hình công ty mua bán nợ đầu tiên trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/03/2002 với vốn điều lệ là 36 tỷ đồng. Đây là Công ty do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương sở hữu 100% vốn điều lệ.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm 31/3/2010

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	MỆNH GIÁ 10.000 ĐỒNG		TỈ LỆ %
			SỐ CỔ PHẦN	THÀNH TIỀN	
1	Văn phòng Thành ủy	127 Trương Định, P.7, Q.3, TP.HCM	37.909.223	379.092.230.000	25,27
2	Cty TNHH một thành viên Du lịch TM Kỳ Hòa	238 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM	33.950.840	339.508.400.000	22,63
3	Cty TNHH một thành viên Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP.HCM	22.686.480	226.864.800.000	15,12
4	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	198 Trần Quang Khải, Hà Nội	9.944.987	99.449.870.000	6,63
5	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	108 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	8.515.497	85.154.970.000	5,68
6	Tổng Cty Du lịch Sài Gòn	23 Lê Lợi, Q.1, TP.HCM	8.070.716	80.707.160.000	5,38
	TỔNG CỘNG		121.077.743	1.210.777.430.000	80,72

(Nguồn: Saigonbank)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại 31/3/2010

Bảng 3 : Danh sách cổ đông sáng lập

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần
1	Nguyễn Ngọc Ân	107/2 RC/BC Trương Định, Quận 3, Tp. HCM	42.410
2	1.416 cổ đông		37.590

(Mệnh giá cổ phần tại thời điểm đăng ký kinh doanh (năm 1993) là 250.000 đồng/cổ phần)

Ông Nguyễn Ngọc Ân tham gia với tư cách là người đại diện phần vốn góp của Ban Tài chính Quản trị Thành ủy TP.HCM vào lúc Ngân hàng mới thành lập. Sau gần 23 năm hoạt động, qua nhiều lần tổ chức bầu nhân sự tại Đại hội đồng cổ đông, đại diện phần vốn góp của Ban Tài chính Quản trị Thành ủy TP.HCM (nay là Văn phòng Thành ủy) hiện nay là Ông NGUYỄN PHƯỚC MINH chức vụ Phó Văn Phòng Thành Ủy.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/3/2010

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Thành viên HĐQT, BKS, BTGD	11	612.620	6.126.200.000	0,408
2	Pháp nhân	55	30.803.020	308.030.200.000	20,54
3	Đoàn thể	4	97.011.352	970.113.520.000	64,67
4	Thẻ nhân	3.155	21.573.008	215.730.080.000	14,38
5	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
	Tổng cộng	3.225	150.000.000	1.500.000.000.000	100%

(Nguồn: Saigonbank)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

5.1. Các công ty con của Ngân hàng

Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản

Tên công ty: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản

Tên viết tắt: SGFC

Địa chỉ: 12 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 9.141.537 – 3 9.141.538

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng

Giấy CNĐKKD : số 4104000033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp
(đăng ký lần đầu ngày 24/12/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/06/2007)

Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng: 100% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh:

- Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn;
- Hoàn thiện hồ sơ có liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật trình Ban chỉ đạo cơ cấu lại tài chính Ngân hàng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Ngân hàng xóa nợ cho khách hàng;
- Chủ động bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng theo giá thị trường;
- Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp;
- Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay để thu hồi nợ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;
- Mua bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ nhà đất;
- Quản lý bất động sản;
- Khách sạn, nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở công ty);
- Đại lý đổi ngoại tệ.
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô.
- Mua bán hàng mỹ nghệ, rượu, thuốc lá điếu sản xuất trong nước (không kinh doanh dịch vụ ăn uống).
- Cho thuê nhà, văn phòng.

5.2. Các công ty mà Ngân hàng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối : Theo quy định hiện hành của NHNN tại Thông Tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp của

Ngân hàng là: từ 50% vốn điều lệ trở lên (đối với Công ty cổ phần) hoặc ít hơn 50% vốn điều lệ nhưng Ngân Hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng với doanh nghiệp.... Theo quy định này thì hiện nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc nắm cổ phần chi phối đối với bất kỳ một công ty nào khác.

5.3. Các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng

Theo nội dung Thông Tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 đã nêu trên thì hiện nay Saigonbank không có công ty nào nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Ngân hàng

6.1.1. Sản phẩm và dịch vụ

- Sản phẩm tiền gửi: Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn; Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn ; Tiền gửi thanh toán,....
- Sản phẩm cho vay: Cho vay sản xuất thương mại dịch vụ; Cho vay mua nền nhà, mua nhà; Cho vay sửa chữa, xây dựng, trang trí nội thất; Cho vay trả góp, sinh hoạt, tiêu dùng; Cho vay cầm cố sổ tiết kiệm,....
- Thanh toán quốc tế: Thư tín dụng (L/C); Chuyển tiền; Nhờ thu; Kiền hối – MoneyGram.
- Các sản phẩm thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế, Thẻ đa năng SaiGon BankCard.
- Các sản phẩm dịch vụ khác: Chuyển tiền trong nước; Kinh doanh ngoại tệ; Dịch vụ ngân quỹ; Thu chi hộ; Bảo lãnh; Xác nhận khả năng tài chính; Phone Banking; Internet Banking...

6.1.2. Huy động vốn

Mặc dù chịu tác động của một số khó khăn nhất định trong hoạt động như: lạm phát, sự cạnh tranh của các Ngân hàng thương mại khác trong nước trên các mặt lãi suất, sản phẩm dịch vụ, thẻ...nhưng trong thời gian gần đây Saigonbank thường xuyên bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường, làm tốt công tác dự báo nguồn vốn trên thị trường, đã xây dựng được chính sách lãi suất huy động phù hợp, phòng tránh được rủi ro huy động vốn trên thị trường liên ngân hàng. Mặc dù tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động năm 2009 là 9.607 tỷ đồng tăng 2% so với năm 2008 là 9.429 tỷ đồng nhưng trong đó lượng tiền gửi khách hàng năm 2009 tăng 18% so với năm 2008 và giảm thiểu rủi hoạt động từ huy động vốn liên ngân hàng. Điều này thể hiện mặc dù trong giai đoạn năm 2009, lãi suất huy động vốn giảm đi do quyết định cắt giảm lãi suất cơ bản của NHNN cùng với việc các kênh đầu tư khác (thị trường chứng khoán, thị trường vàng, thị trường bất động sản...) có lợi nhuận hấp dẫn hơn lợi tức thu được từ tiền gửi là những nguyên nhân dẫn tới huy động vốn của hầu hết các Ngân hàng đều

gặp khó khăn nhưng với những chính sách điều hành lãi suất linh hoạt, có dự đoán trước và luôn theo sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế đã tạo được nguồn vốn huy động đáng kể từ khách hàng.

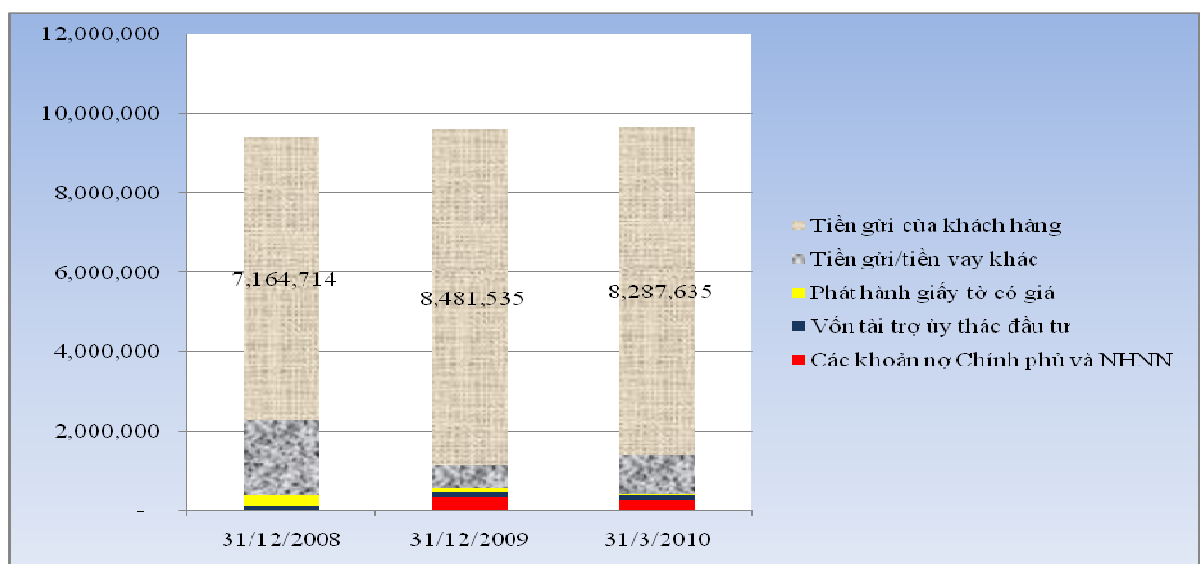
Bảng 5: Tình hình nguồn vốn huy động

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2008	31/12/2009	31/3/2010	Tốc độ tăng trưởng (2009 so với 2008)
Vốn huy động	9.428.609	9.606.623	9.669.618	1,89%
I. Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	319.629	261.783	-
II. Tiền gửi của khách hàng	7.164.714	8.481.534	8.287.635	18%
1. Tiền gửi không kỳ hạn	1.013.885	1.240.146	1.080.923	22%
2. Tiền gửi có kỳ hạn	6.117.132	7.183.266	7.146.890	17%
3. Tiền gửi ký quỹ	33.553	46.427	51.148	38%
4. Tiền gửi vốn chuyên dùng	144	11.696	8.674	8,022%
III. Tiền gửi/tiền vay TCTD khác	1.893.137	573.355	980.414	-70%
IV. Phát hành giấy tờ có giá	256.705	113.403	16.367	-56%
V. Vốn tài trợ ủy thác đầu tư	114.053	118.701	123.419	4,08

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank 2008-2009 và BCTC hợp nhất đến 31/3/2010)

Biểu đồ 2: Cơ cấu vốn huy động



6.1.3. Hoạt động tín dụng

Trong thời gian qua, Saigonbank đã mở rộng thị phần cho vay bằng việc áp dụng chính sách lãi suất cho vay linh hoạt, đổi mới phong cách phục vụ,... để hỗ trợ hoạt động và đáp ứng các nhu cầu khách hàng thông qua các mạng lưới hoạt động hiện có và các chi nhánh thành lập mới. Bên cạnh đó, Ngân hàng thường xuyên rà soát, sàng lọc và duy trì các khách hàng có uy tín để đảm bảo an toàn chất lượng hoạt động tín

dụng. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên và theo định kỳ hàng năm nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

Trong giai đoạn 2006-2007, cùng với sự thuận lợi của thị trường, định hướng hoạt động tín dụng chất lượng và uy tín của Ngân hàng đã góp phần làm tăng trưởng tín dụng năm 2007 của Saigonbank tăng 51,65% so với năm 2006.

Năm 2008, thực hiện chỉ đạo của chính phủ và NHNN về kiểm soát tín dụng để góp phần kiềm chế lạm phát, Saigonbank đã có sự điều chỉnh về chính sách tín dụng phù hợp với điều kiện thị trường đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả đảm bảo duy trì tổng dư nợ năm 2008 là 7.919 tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng 7,4% so với năm 2007.

Trong năm 2009, bám sát các chỉ đạo của Chính Phủ, NHNN và tình hình thị trường để điều chỉnh hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng đảm bảo an toàn hiệu quả. Trong giai đoạn nửa đầu năm 2009, thực hiện chủ trương kích cầu, mở rộng tín dụng có hiệu quả góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế, Saigonbank đã kịp thời đưa ra được những chính sách phù hợp với tình hình dẫn đến cuối năm 2009 tổng dư nợ đạt trên 9.723 tỷ đồng, đạt tốc độ tăng trưởng 22,8% so với năm 2008.

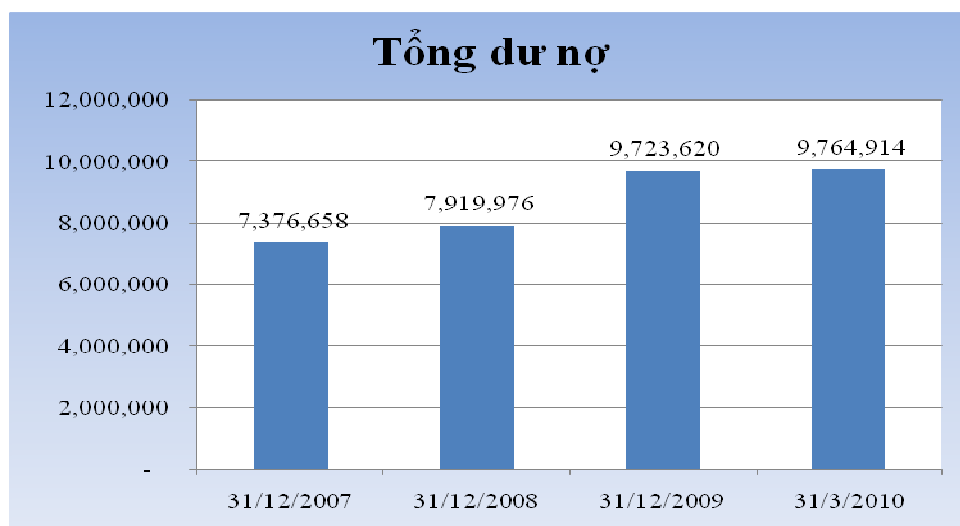
Bảng 6: Tình hình dư nợ tín dụng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/3/2010
1	Tổng dư nợ	7.376.658	7.919.976	9.723.620	9.764.914
	- Tổ chức tín dụng	13.100	3.600	1.500	-
	- Tổ chức kinh tế, cá nhân	7.363.558	7.916.376	9.722.120	9.764.914
2	Tốc độ tăng trưởng(%)	51,65%	7,4	22,8	0,425

(Nguồn: trích BCTC hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank 2008-2009 và BCTC hợp nhất 31/3/2010)

Biểu đồ 3: Tình hình dư nợ tín dụng



Cơ cấu dư nợ:

Saigonbank thực hiện chính sách khách hàng với đa dạng các thành phần kinh tế bao gồm các Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp cổ phần và các Doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ gia đình. Ngân hàng đã phát triển thành một ngân hàng đa năng cung cấp nhiều loại dịch vụ đa dạng cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong mọi lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà nước, của ngành Ngân hàng và của Saigonbank.

Theo bảng cơ cấu dư nợ theo đối tượng ta nhận thấy tỷ trọng dư nợ giữa khách hàng là tổ chức và khách hàng bán lẻ là tương đối đồng đều, cụ thể tại thời điểm 31/12/2008 dư nợ tín dụng của các tổ chức chiếm 62,57% và dư nợ cá nhân chiếm 37,39% tổng dư nợ, trong đó khách hàng là các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, Doanh nghiệp nhỏ lẻ chiếm đến 61,11% trong tổng dư nợ của tổ chức. Nhưng sang năm 2009, tính đến thời điểm 31/12/2009 thì tỷ trọng dư nợ của khách hàng là tổ chức chỉ đạt được 58,99%, giảm 5,7% so với năm 2008 nhưng đối tượng là khách hàng cá nhân lại tăng, đạt 40,99% trong tổng dư nợ. Điều này cũng thể hiện đường lối chỉ đạo đúng đắn, nhạy bén và kịp thời của Saigonbank trong việc thay đổi và chuyển hướng cho vay phù hợp với tình hình biến động của thị trường và sự biến động của lãi suất do NHNN thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát, các Doanh nghiệp trong nước bị ảnh hưởng của tình hình kinh tế khó khăn nhưng ngược lại nhu cầu vay tiêu dùng của cá nhân lại tăng cao.

Bảng 7: Cơ cấu dư nợ theo đối tượng

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Dư nợ theo đối tượng	31/12/2008		31/12/2009	
		Dư nợ	Tỷ Trọng	Dư nợ	Tỷ Trọng
1	Tổ chức kinh tế	4.955.337	62,57%	5.735.939	58,99%
	- Doanh nghiệp Nhà nước	115.152	1,45%	121.707	1,25%
	- Doanh nghiệp tư nhân và tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh	4.840.185	61,11%	5.614.232	58,99%
2	Tổ chức tín dụng	3.600	0,05%	1.500	0,02%
3	Cá nhân	2.961.039	37,39%	3.986.181	40,99%
	Tổng dư nợ	7.919.976	100%	9.723.620	100%

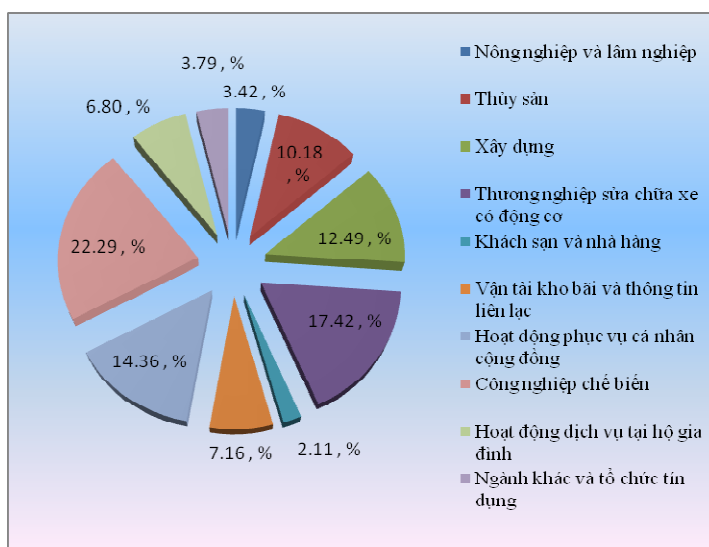
(Nguồn: trích Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank 2008-2009)

Bảng 8: Cơ cấu cho vay theo phân ngành

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Dư nợ theo ngành kinh tế	31/12/2008	Tỷ trọng	31/12/2009	Tỷ trọng
1	Nông nghiệp và lâm nghiệp	431,833	5.45	332,113	3.42
2	Thủy sản	3,123,478	39.46	989,822	10.18
3	Xây dựng	467,705	5.91	1,214,572	12.49
4	Thương nghiệp sửa chữa xe có động cơ	1,138,665	14.38	1,693,555	17.42
5	Khách sạn và nhà hàng	98,594	1.25	204,997	2.11
6	Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	302,162	3.82	696,055	7.16
7	Hoạt động phục vụ cá nhân cộng đồng	1,062,611	3.42	1,395,714	14.36
8	Công nghiệp chế biến	501,194	6.33	2,167,253	22.29
9	Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	566,761	7.16	660,856	6.80
10	Ngành khác và tổ chức tín dụng	226,937	2.87	368,683	3.79
Tổng dư nợ		7.919.976	100	9.723.620	100

(Nguồn: trích Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank 2008-2009)

Biểu đồ 4: Dư nợ theo ngành kinh tế tính đến ngày 31/12/2009


Cơ cấu cho vay của Saigonbank đa dạng ngành nghề, thể hiện sự hài hòa trong các lĩnh vực, phù hợp với chiến lược phát triển của nền kinh tế. Ba nhóm lĩnh vực chính là công nghiệp chế biến; thương nghiệp sửa chữa xe có động cơ và hoạt động phục vụ cá nhân cộng đồng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tín dụng của Saigonbank với tỷ trọng tương ứng cho 3 nhóm ngành này là 22,29%, 17,42% và 14,36%.

▪ **Dư nợ cho vay theo loại hình cho vay**

Bảng 9: Tình hình dư nợ cho vay khách hàng theo loại hình cho vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	Tỷ	31/12/2009	Tỷ	31/3/2010	Tỷ
		trọng (%)		trọng (%)		trọng (%)
Ngắn hạn	5.236.793	66,12	6.084.274	62,57	6.199.104	63,48
Trung hạn	1.543.269	19,49	2.054.418	21,13	1.956.882	20,04
Dài hạn	1.139.914	14,39	1.584.928	16,30	1.608.928	16,48
Tổng dư nợ	7.919.976	100	9.723.620	100	9.764.914	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank 2008,2009 và BCTC hợp nhất đến 31/3/2010)

▪ **Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro:**

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam. Các khoản vay được phân thành 5 nhóm nợ căn cứ vào tình hình trả nợ và các yếu tố định tính. Theo đó, Saigonbank đã tuân thủ và trích lập dự phòng rủi ro hàng năm theo tỷ lệ phần trăm được quy định tương ứng với mỗi nhóm nợ và đến cuối tháng 03 năm 2010, Saigonbank đã trích lập dự phòng chung và cụ thể là 121,89 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/3/2010, theo tiêu chí phân loại nợ quy định, nợ đủ tiêu chuẩn của Saigonbank (Nợ nhóm 1) là 9.432 tỷ đồng, chiếm 96,6% tổng dư nợ; Nợ xấu của Ngân hàng (bao gồm nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5) là 181,63 tỷ đồng, chiếm 1,9% tổng dư nợ.

Bảng 10: Tình hình chất lượng hoạt động tín dụng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Loại	31/12/2008		31/12/2009		31/3/2010	
		Dư nợ	Tỷ trọng (%)	Dư nợ	Tỷ trọng (%)	Dư nợ	Tỷ trọng (%)
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	7.676.299	96,92	9.517.606	97,88	9.431.505	96,59
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	188.965	2,39	32.824	0,34	151.783	1,55
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	28.535	0,36	21.685	0,22	16.889	0,17
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	26.177	0,33	97.905	1,01	108.208	1,11
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	-		53.601	0,55	56.529	0,58
Tổng dư nợ		7.919.976	100	9.723.620	100	9.764.914	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank 2008,2009 và BCTC hợp nhất 31/3/2010)

6.1.4. *Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán*

Trong hoạt động, Saigonbank luôn duy trì mối quan hệ với khách hàng truyền thống bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng mới thông qua các mối quan hệ và các phương tiện thông tin đại chúng như: báo chí, truyền hình, internet... để liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các chi nhánh cũng không ngừng tăng cường mở rộng thị phần thanh toán và khai thác tiềm năng tại địa phương của đơn vị. Việc kinh doanh ngoại tệ của đơn vị nhìn chung khá sôi động nhằm cung ứng đủ ngoại tệ cho hoạt động thanh toán, đảm bảo các tỷ lệ an toàn và các biện pháp phòng chống rủi ro theo quy định của NHNN trong kinh doanh ngoại hối. Saigonbank đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng, đã triển khai các nghiệp vụ mua bán trao ngay, kỳ hạn. Ngoài ra, Saigonbank cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

▪ *Hoạt động thanh toán nội địa*

Doanh số của năm 2008, 2009, 31/03/2010 như sau:

- Tổng doanh số thanh toán năm 2008 là 1.256,46 ngàn tỷ đồng, tăng 60,17% (472,02 ngàn tỷ đồng) so với năm 2007.
 - Tổng doanh số thanh toán năm 2009 là 1.370 ngàn tỷ đồng, tăng 9,03% (113,54 ngàn tỷ đồng) so với năm 2008.
 - Tổng doanh số thanh toán đến 31/03/2010 là 281,19 ngàn tỷ đồng, giảm 32,49% (135,35 ngàn tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.
- ***Hoạt động thanh toán quốc tế*** : Doanh số thanh toán quốc tế năm 2009 (bằng USD và ngoại tệ quy đổi) là 317,87 triệu USD, giảm 67,55 triệu USD, tương ứng giảm 17,53% so với năm 2008.

Bảng 11: Tình hình doanh số thanh toán quốc tế và thanh toán ngoại tệ

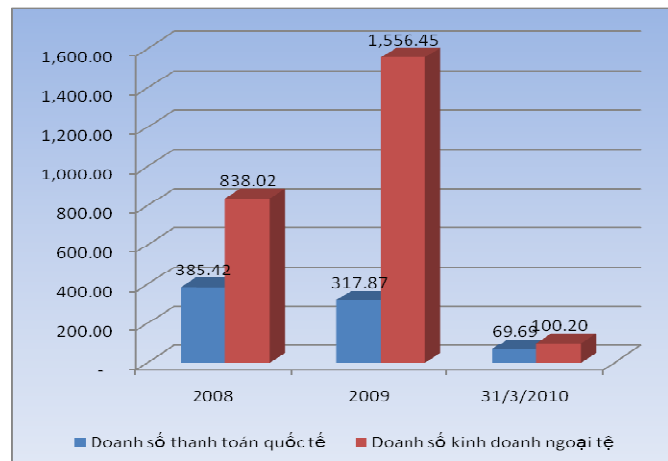
Khoản mục	2008	2009	31/3/2010
Doanh số thanh toán quốc tế (triệu USD)	385,42	317,87	69,69
Doanh số kinh doanh ngoại tệ (triệu USD)	838,02	1.556,45	100,20

(Nguồn: Saigonbank)

▪ **Hoạt động kinh doanh ngoại tệ**

Doanh số mua bán ngoại tệ (quy ra USD) cả năm 2009 đạt 1.556,45 triệu USD, tăng 718,43 triệu USD tương ứng tăng 85,73% so với năm 2008.

Biểu đồ 5: Hoạt động thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ qua 2008, 2009 và 31/3/2010



▪ **Hoạt động kinh doanh thẻ**

Bảng 12 : Số lượng thẻ Saigonbank đã phát hành (số thẻ cộng dồn)

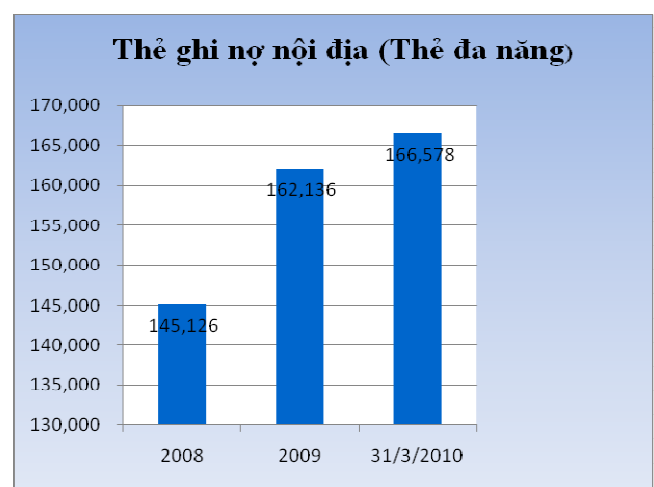
Đơn vị: thẻ

Loại thẻ	2008	2009	31/3/2010
Thẻ tín dụng	-	-	-
Thẻ ghi nợ quốc tế	-	-	-
Thẻ ghi nợ nội địa (Thẻ đa năng)	145.126	162.136	166.578
Tổng cộng	145.126	162.136	166.578

Biểu đồ 6 : Tình hình phát hành thẻ Saigonbank (số thẻ)

Đến 31/3/2010, tổng số lượng thẻ do Saigonbank phát hành đạt 166.578 thẻ, tăng 4.442 thẻ, tương ứng tăng 2,73% so với cuối năm 2009, trong đó 100% là thẻ ghi nợ nội địa (thẻ đa năng).

Biểu đồ 6: Tình hình phát triển thẻ nội địa



Bảng 13 : Doanh số sử dụng thẻ do Saigonbank phát hành

Đơn vị: tỷ đồng

Loại thẻ	2008	2009	31/3/2010
Thẻ tín dụng	-	-	-
Thẻ ghi nợ quốc tế	-	-	-
Thẻ ghi nợ nội địa (Thẻ đa năng)	15,3	8,11	0,64
Tổng cộng	15,3	8,11	0,64

6.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

Đến 31/3/2010, Saigonbank đã có quan hệ với 651 ngân hàng đại lý tại 75 quốc gia trên thế giới. Saigonbank thiết lập quan hệ đại lý với các ngân hàng tại các thành phố trọng điểm ở các quốc gia mà các doanh nghiệp Việt Nam có quan hệ thương mại. Số ngân hàng đại lý của Ngân hàng không ngừng tăng lên qua các năm.

Hiện nay Saigonbank là đại lý thanh toán thẻ Visa, Master Card, JCB, ... và là đại lý chuyển tiền kiều hối MoneyGram. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, Saigonbank thường xuyên đổi mới, mở rộng mối quan hệ với các ngân hàng ở nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng hoạt động của Ngân hàng trong lĩnh vực đối ngoại.

6.1.6. Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản (SGFC)

Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản là công ty con của ngân hàng với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ. Việc thành lập Công ty được sự chấp thuận của NHNN Việt Nam theo Công văn số 1501/NHNN-CN/08 và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000033 ngày 24/12/2001.

Trụ sở chính của Công ty tại số nhà 12 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Đơn vị trực thuộc của Công ty là Khách sạn Riverside tại 18-19-20 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh số 4114008587 ngày 19/7/2002.

Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản là công ty trực thuộc đầu tiên của Saigonbank, chính thức đi vào hoạt động ngày 01/03/2002.

Lợi nhuận trước thuế Cty QLKTTS-KS Riverside năm 2009 là 3,59 tỷ đồng, giảm 44,89% (2,93 tỷ đồng) so với năm 2008.

6.1.7 Hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh:

Với việc tham gia góp vốn đầu tư dài hạn vào các công ty có tiềm năng đã góp phần đem lại cho Saigonbank tăng thêm lợi nhuận hàng năm. Saigonbank đã tham gia góp vốn và nắm giữ cổ phiếu dài hạn vào các Công ty với tổng số vốn tính đến thời điểm 31/3/2010 là 118.275.610.000 đồng, chiếm 7,88% vốn điều lệ.

Bảng 14 : Tình hình góp vốn liên kết, liên doanh tại thời điểm 31/3/2010

		Đơn vị tính: triệu đồng	
Stt	Đơn vị góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ
I	Mua cổ phần (theo mệnh giá)		
	Ngân hàng TMCP Gia Định	71.776	7,18%
II	Đầu tư, góp vốn liên doanh		
1	Khách sạn Hạ Long	11.000	11%
2	Công ty chuyển mạch Tài chính Quốc gia	2.000	2,12%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya	33.000	11%
4	Quỹ bảo lãnh tín dụng của các Doanh nghiệp vừa và nhỏ	500	0,26%
TỔNG CỘNG		118.276	

(Nguồn: BCTC hợp nhất của Saigonbank đến 31/3/2010)

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Quản trị rủi ro là một trong các vấn đề cốt lõi được Saigonbank đặc biệt quan tâm. Các loại rủi ro trong hoạt động ngân hàng được chia thành các loại chính như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về ngoại hối), rủi ro trong vận hành và các loại rủi ro khác. Nhằm hạn chế tối thiểu rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT đã và đang tiếp tục xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm nắm bắt kịp thời những rủi ro vừa phát sinh để có biện pháp xử lý phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các số liệu báo cáo trong thời gian qua, Ban điều hành Ngân hàng cùng các phòng ban chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế ở mức thấp nhất những rủi ro có khả năng phát sinh.

Các văn bản áp dụng trong việc phòng chống rủi ro theo quy định của NHNN:

- Thông Tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/05/2010 của Thống đốc NHNN quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
- Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.
- Quyết định 18/2007/QĐ – NHNN ngày 25/04/2007 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005.

6.3. Thị trường hoạt động

6.3.1. Mạng lưới Chi nhánh

Mạng lưới hoạt động của Saigonbank đến thời điểm 31/03/2010 bao gồm: 01 Hội sở và 32 chi nhánh, 45 phòng giao dịch, 03 điểm giao dịch. Saigonbank đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm chi nhánh tại các Tỉnh/Thành

Phổ trọng điểm của cả nước để mở rộng mạng lưới phục vụ, kết hợp mạng lưới chi nhánh truyền thống với hệ thống ATM hiện đại.

Trong năm 2009, do bị giới hạn về vốn điều lệ theo quy định NHNN nên SGCTNH không thành lập thêm chi nhánh mới và chỉ thành lập mới 11 phòng giao dịch và 02 Quỹ tiết kiệm, nâng tổng số địa điểm giao dịch của SGCTNH lên 75 nơi giao dịch, tăng 22,95% so với năm 2008.

Để đẩy mạnh khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, Saigonbank luôn đề ra mục tiêu, chiến lược phân đấu, cạnh tranh nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng cho chính mình. Việc mở rộng chi nhánh, tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của Saigonbank đến nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng luôn được Ban điều hành Ngân hàng quan tâm.

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Thông qua mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch, công ty trực thuộc và 651 ngân hàng đại lý tại 75 quốc gia trên toàn thế giới, Saigonbank cung cấp các dịch vụ ngân hàng đến khách hàng là các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp và các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước.

Sau gần 23 năm hoạt động, ngoài việc đưa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng có chất lượng, phù hợp với nhu cầu khách hàng, mở rộng mạng lưới hoạt động... với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Saigonbank còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các cá nhân, công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài... hoạt động trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.

Trong thời gian tới, theo xu thế phát triển và hội nhập của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và thế giới, Saigonbank sẽ liên tục đổi mới hoạt động: cung ứng thêm nhiều sản phẩm dịch vụ, thay đổi phong cách phục vụ, ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, mở rộng mạng lưới hoạt động, hướng tới phục vụ khách hàng bằng những sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại với chất lượng tốt nhất dựa trên nền tảng công nghệ ngân hàng tiên tiến... nhằm thực hiện thành công mục tiêu là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần mạnh trong hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần.

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Tính đến cuối năm 2009, hệ thống ngân hàng thương mại ở Việt Nam chia thành các nhóm sau:

- Ngân hàng thương mại Nhà nước: Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (MHB).

- Ngân hàng chính sách: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- Ngân hàng TMCP: Các ngân hàng lớn và có uy tín trong nhóm này như Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Incombank), Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)...
- Ngân hàng liên doanh: Vinasiam Bank (liên doanh giữa NH Nông nghiệp và Thai Farmers Bank), Indovina (liên doanh giữa Incombank và Indonesian BDNI), Shinhan VinaBank (liên doanh giữa Vietcombank và Ngân hàng Hàn quốc), VID Public Bank (liên doanh giữa BIDV và Public Bank Malaysia).
- Chi nhánh của các ngân hàng nước ngoài: là chi nhánh của các ngân hàng lớn trên thế giới như Citibank, Australia & New Zealand Banking Group (ANZ), Hongkong & Shanghai Banking Corporation (HSBC), Deutsche Bank, JP Morgan Chase Bank...
- Quỹ tín dụng nhân dân và HTX, văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.

Mạng lưới của các ngân hàng ngày càng phát triển dày đặc, phân bố khắp các tỉnh thành trong cả nước nói chung và Tp. Hồ Chí Minh nói riêng. Chính vì vậy, các ngân hàng không ngừng hoàn thiện chính mình để khẳng định vị trí thương hiệu trên thị trường, tạo ấn tượng tốt trong sự lựa chọn của mỗi khách hàng.

Nằm trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần, Saigonbank phải cạnh tranh với các ngân hàng thương mại cổ phần khác như: ACB, Sacombank, Eximbank, EAB, Phương Nam..., các ngân hàng thương mại quốc doanh, các ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam và các ngân hàng liên doanh. Các ngân hàng này có thể mạnh về vốn, trang thiết bị hiện đại, mạng lưới chi nhánh phủ kín các tỉnh thành trong cả nước.

Bảng 15: Tình hình hoạt động của Saigonbank so với một số ngân hàng TMCP

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm	Các ngân hàng thương mại cổ phần				
		ACB	Sacombank	Eximbank	Đông Á	Saigonbank
Tổng tài sản	2008	129.590	70.629	56.021	37.874	11.205
	2009	194.367	102.653	77.187	43.704	11.876
Vốn điều lệ	2008	6.355	5.115	7.220	2.880	1.020
	2009	7.814	6.700	8.800	3.400	1.500
Huy động vốn	2008	91.174	59.343	32.331	29.797	9.429
	2009	115.064	78.497	46.989	31.793	9.607
Cho vay	2008	34.833	35.008	21.232	25.571	7.920

	2009	61.827	55.247	38.381	34.355	9.724
Lợi nhuận trước thuế	2008	2.561	1.110	969	703	221
	2009	2.838	2.175	1.533	788	278
Lợi nhuận sau thuế	2008	2.276	1.049	723	496	161
	2009	1.879	1.468	1.144	545	210

(Nguồn: Báo cáo thường niên của các ngân hàng)

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Đang thi công trụ sở làm việc chi nhánh Sóc Trăng và Khách Sạn Đà Nẵng.

Chuẩn bị xây dựng trụ sở làm việc mới và văn phòng cho thuê tại Phú Mỹ Hưng, Cần Giờ, Bạc Liêu, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lào Cai, Hà Nội,...

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của Saigonbank

Bảng 16: Kết quả hoạt động kinh doanh của Saigonbank

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2008	2009	Quý I/2010
Tổng tài sản	11.205.359	11.875.915	11.998.622
Vốn điều lệ	1.020.000	1.500.000	1.500.000
Nguồn vốn chủ sở hữu	1.469.766	1.934.750	1.992.755
Thu nhập lãi thuần	311.368	512.067	95.512
Thu nhập ngoài lãi thuần	115.416	72.051	25.586
Lãi/lỗ thuần từ HĐ dịch vụ	37.624	24.432	6.415
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	19.294	6.250	(1.268)
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD và đầu tư chứng khoán	(727)	21	93
Thu từ góp vốn mua cổ phần	6.065	21.658	1.920
Lãi/lỗ thuần từ HD khác	53.160	19.690	18.426
Tổng thu nhập HĐKD	426.784	584.118	121.098
Tổng chi phí HĐKD	173.857	221.792	48.423
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	252.882	362.328	72.676
Chi phí dự phòng rủi ro	31.628	84.003	-
Lợi nhuận trước thuế	221.254	278.325	72.675
Thuế TNDN	60.007	68.219	8.735
Lợi nhuận sau thuế	161.247	210.106	63.941
Tỷ suất LNST/VCSH	10,97	10,86	3,21
Tỷ suất LNST/Tổng TS	1,44	1,77	0,53
Hệ số an toàn vốn	14,34	15,85	15,67

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank 2008-2009 và BCTC hợp nhất đến 31/3/2010)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo tài chính 2009

Thuận lợi:

- Việc cơ cấu lại tài sản và nguồn vốn theo hướng bền vững trong năm 2009 đã hạn chế rủi ro thanh khoản trong hoạt động Ngân hàng khi áp lực huy động vốn gia tăng trong cuộc đua lãi suất giữa các Ngân hàng thương mại.
- Dự án Corebanking (giai đoạn 1 và 2) đã tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh và quản trị rủi ro của ngân hàng.- Việc cho vay chứng khoán, bất động sản nằm trong tầm kiểm soát nên đã hạn chế rủi ro khi thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản biến động.
- Việc tạm ngưng cho vay trong năm 2009 đã tạo điều kiện để sàng lọc khách hàng tốt, truyền thống trong toàn hệ thống, đồng thời tạo điều kiện để cơ cấu lại nguồn vốn và tài sản ngân hàng theo hướng bền vững.
- Hoạt động ngân hàng năm 2009 tuy không tăng trưởng về quy mô nhưng thực chất là tăng trưởng theo chiều sâu trên các mặt: cơ cấu nguồn vốn, khách hàng, mạng lưới Phòng Giao dịch, củng cố hoạt động các Chi nhánh,...
- Tất cả các nguồn lực của ngân hàng (nhân sự, chi nhánh, nguồn vốn,...) được bảo toàn, ổn định và có tăng trưởng nhẹ trong cơn biến động của thị trường, đặc biệt là biến động lãi suất huy động trong những tháng cuối năm.
- Mặc dù áp dụng các biện pháp hành chính để củng cố, chấn chỉnh hoạt động, kèm chế tăng trưởng tín dụng nóng,...nên năm 2009 SGCTNH chỉ tăng trưởng 5,98% nhưng tiềm lực phát triển của SGCTNH vẫn còn và đây là yếu tố thuận lợi để tăng trưởng nhanh sau khi nền kinh tế hồi phục và đi vào ổn định.

Khó khăn:

- Áp lực tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ vào cuối năm 2010 là điều nan giải trong hoạt động của SGCTNH trong năm 2010 khi thị trường chứng khoán chưa có dấu hiệu hồi phục như những năm trước.
- Chênh lệch đầu vào - ra trong hoạt động ngân hàng ngày càng thu hẹp nên thu nhập từ hoạt động tín dụng không còn cao như những năm trước đây, trong khi nguồn thu nhập chính của SGCTNH là từ hoạt động tín dụng.
- Áp lực chi trả cổ tức gia tăng sau khi SGCTNH tăng đủ vốn lên 3.000 tỷ trong khi hiệu quả hoạt động sụt giảm do ảnh hưởng một số chính sách của Ngân hàng Nhà nước trong quản lý chính sách tiền tệ, kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng, tỷ giá,...
- Suy thoái kinh tế thế giới và suy giảm kinh tế trong nước tiếp tục ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế trong nước nên các Doanh nghiệp Việt Nam, dù được hưởng ưu đãi từ các chính sách kinh tế của Nhà nước, vẫn tiếp tục gặp các khó khăn trong việc sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa và ảnh hưởng đến vòng quay vốn và

năng lực trả nợ ngân hàng.

- Việc ban hành, chuẩn hóa các quy định ngân hàng theo chuẩn mực Quốc tế trong quản lý an toàn hoạt động các Tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ tiếp tục hạn chế hoạt động SGCTNH trên một số mặt hoạt động như tỷ lệ cho vay trung dài hạn, quy định vốn trong thành lập chi nhánh, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu,..
- Sau khi nói lỏng chính sách tiền tệ kèm theo các chính sách kinh tế để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2009, để ngăn ngừa nguy cơ tái lạm phát, Ngân hàng Nhà nước sẽ áp dụng linh hoạt chính sách tiền tệ trong năm 2010 (bao gồm chính sách thắt chặt tiền tệ) nên sẽ ảnh hưởng đến lượng tiền lưu thông, thanh khoản và việc tăng trưởng tín dụng của các Ngân hàng thương mại.

7.3. Nguyên tắc hạch toán kế toán:

Saigonbank thiết lập các báo cáo tài chính hợp nhất bằng đồng Việt Nam (VND) theo Luật tổ chức tín dụng, Luật sửa đổi và bổ sung một số điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Những nguyên tắc chính

- Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu tương ứng trên báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con – Công ty TNHH Quản lý Nợ và khai thác tài sản.
- Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao.

Chuyển đổi tiền tệ

- Tất cả nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ.
- Tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được hạch toán bằng VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận để lại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi các tài sản và công nợ khác bằng ngoại tệ sang VND được xử lý vào doanh số của các khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

▪ *Dự phòng rủi ro tín dụng*

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên tỷ lệ áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Bảng 17 : Tỷ lệ dự phòng theo từng loại nợ

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 hàng năm trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005, một khoản dự phòng chung được lập với mức tối thiểu bằng 0,75% tổng số dư của các khoản vay và cho thuê tài chính khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay và cho thuê tài chính khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Mức dự phòng chung này được yêu cầu phải đạt được trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, Ngân hàng đã lập đủ mức tối thiểu 0,75% trước thời hạn 5 năm theo quy định.

Đầu tư vào chứng khoán

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn. Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh này. Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Là loại chứng khoán được giữ trong thời gian không ứng định trước. Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá mua. Chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc cộng lãi dự thu trừ lãi chờ phân bổ. Giá trị phụ trội hoặc chiết khấu (nếu có) cũng được phản ánh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lãi được dự thu hoặc phân bổ theo phương pháp đường thẳng phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi/lỗ từ chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc cộng lãi dự thu trừ lãi chờ phân bổ. Giá trị phụ trội hoặc chiết khấu (nếu có) cũng được phản ánh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lãi được dự thu hoặc phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được xem xét đến khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá thị trường nhỏ hơn giá ghi sổ. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.
- Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa ra tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Một số quyền sử dụng đất lâu dài và nhà cửa, vật kiến trúc trên đó được Ngân hàng mua nhưng được phân loại toàn bộ vào tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính của nhà cửa vật kiến trúc đó. Thời gian khấu hao cho từng nhóm tài sản cố định như sau:

Bảng 18 : Khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao
Đất đai và nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Phần mềm kế toán	05 năm

Ghi nhận thu nhập và chi phí

- Ngân hàng ghi nhận thu nhập từ lãi và chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi.
- Phí thu từ việc cung cấp các dịch vụ trong một thời gian nhất định được dự thu trong suốt thời gian đó. Phí này bao gồm phí quản lý quỹ đầu tư, phí quản lý, phí nhận ủy thác, hoa hồng và các phí liên quan đến cấp tín dụng, quản lý tài sản, phí quản lý danh mục và các chi phí quản lý cũng như phí tư vấn khác.
- Cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Ngân hàng được quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được

thu hồi) từ cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Trích lập các quỹ

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 do Chính phủ ban hành về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Theo đó, các Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận để lại để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

Bảng 19: Trích lập các Quỹ

Loại	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn Điều lệ	5% LNST	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% LNST	25% Vốn điều lệ
Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với quy định của pháp luật
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ lệ trích lập do ĐHĐCĐ quyết định	Tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện trong năm

Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, người lao động

Nghĩa vụ với Nhà nước:

Bảng 20: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/2009	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/3/2010
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	540	2,892	1,423	2,010
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	649	13,475	276	13,848
Các loại thuế khác	450	396	418	428
Tổng cộng	1,639	16,763	2,117	16,286

(Trích: BCTC của Saigonbank đến thời điểm 31/3/2010)

Nghĩa vụ với người lao động:

Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả cho người lao động các chế độ sau theo thời gian đã làm việc trước ngày 01/01/2009:

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02/4/2002, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp thôi việc tự nguyện cho nhân viên bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc, cộng theo phụ cấp lương (nếu có) trong trường hợp nhân viên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 47 Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng phải trả cho nhân viên khoản trợ cấp mất việc làm

tương đương với một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Ngoài ra, người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp đối với thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01/01/2009 theo Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp.

8. Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành

8.1. Triển vọng phát triển của ngành Ngân hàng:

8.1.1. Những cơ hội

- Việc mở cửa, giao lưu kinh tế, mở rộng quan hệ quốc tế trên cơ sở đôi bên cùng có lợi là cơ sở cho sự phát triển nền kinh tế Việt Nam. Chính sự phát triển kinh tế sẽ tạo cơ hội phát triển cho ngành ngân hàng nói chung và Saigonbank nói riêng.
- Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ buộc các ngân hàng phải hoạt động theo nguyên tắc kinh tế thị trường và công khai minh bạch hơn. Mở cửa thị trường tài chính trong nước sẽ gây những tác động ảnh hưởng và dẫn đến quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, phân chia lại thị trường giữa các nhóm ngân hàng theo hướng cân bằng hơn. Nâng cao tính cạnh tranh và kỷ luật thị trường trong hoạt động ngân hàng sẽ khuyến khích tạo ra những ngân hàng có qui mô lớn, tài chính lành mạnh và kinh doanh hiệu quả; các ngân hàng kinh doanh yếu kém sẽ bị đào thải hoặc phải vươn lên, nếu muốn tồn tại. Do vậy, khả năng cạnh tranh của các ngân hàng sẽ được nâng cao, bởi cơ hội liên kết hợp tác với các đối tác trong chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm và khai thác thị trường. Qua đó, uy tín, vị thế của hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ được nâng lên, ít nhất là trên thị trường khu vực và sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực tài chính, khơi thông dòng vốn, các doanh nghiệp và các ngân hàng trong nước có khả năng huy động các nguồn vốn từ thị trường tài chính quốc tế và sử dụng vốn có hiệu quả hơn để giảm thiểu rủi ro và các chi phí cơ hội.
- Ngoài ra, mở cửa thị trường tài chính sẽ dẫn đến sự có mặt của các ngân hàng nước ngoài, từ đó thúc đẩy cho thị trường tài chính phát triển ổn định vững mạnh và tiến dần theo đúng chuẩn mực quốc tế.
- Hoạt động của các ngân hàng trong nước: cạnh tranh buộc các ngân hàng trong nước phải thúc đẩy việc cải cách trong quản lý của mỗi ngân hàng và toàn bộ hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng trong nước, một mặt, phải giải quyết những tồn tại, yếu kém; tăng cường việc áp dụng các quy định theo đúng chuẩn mực quốc tế vào quản lý; mặt khác, phải đẩy nhanh việc xây dựng nền tảng, tạo năng lực cạnh tranh và nâng cao năng lực quản trị điều hành.

8.1.2. Những thách thức

- Bối cảnh trong nước: với xuất phát điểm là nền kinh tế phát triển thấp, Việt Nam còn hạn chế về cạnh tranh như vốn, năng lực, công nghệ, trình độ quản lý... Ngoài ra, chính sách thể chế, luật pháp của Việt Nam chưa đồng bộ, chính sách thường xuyên thay đổi, không nhất quán.
- Việc mở cửa thị trường tài chính nội địa khi hội nhập quốc tế sẽ tạo sự liên thông và làm tăng rủi ro thị trường do các tác động từ bên ngoài, hạn chế khả năng tận dụng chênh lệch tỷ giá, lãi suất giữa thị trường trong nước và quốc tế. Hệ thống ngân hàng trong nước cũng phải đối mặt lớn hơn với rủi ro khủng hoảng, các cú sốc kinh tế tài chính, khu vực, sự lây truyền của khủng hoảng. Sự kém phát triển của thị trường vốn có thể làm cho hệ thống ngân hàng phải chịu mức thiệt hại lớn hơn do rủi ro gây ra.
- Về hoạt động của các ngân hàng trong nước: mở cửa hội nhập, sẽ làm tăng áp lực cạnh tranh ngay trên chính thị trường nội địa. Các ngân hàng trong nước sẽ cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài có năng lực tài chính rất mạnh, công nghệ, kỹ thuật, trình độ quản lý tiên tiến và hiện đại... Các ngân hàng nước ngoài có thể nắm quyền kiểm soát các ngân hàng trong nước bằng các hình thức như hùn vốn, mua cổ phần...
- Để tồn tại, phát triển và chiếm được thị phần nhất định trong bối cảnh mở cửa và hội nhập quốc tế, Saigonbank phải đạt các chuẩn mực an toàn trong hoạt động theo thông lệ quốc tế như các chỉ số CAR, ROA, ROE,... Đây không chỉ là thách thức đối với Saigonbank và còn đối với các ngân hàng thương mại khác trong thời gian tới.

8.1.3. Triển vọng phát triển của ngành

Theo phân tích, đánh giá những cơ hội - thách thức, ngành ngân hàng trong những năm tới tiếp tục phát triển với những đặc điểm sau:

- Nền kinh tế tăng trưởng chậm lại và duy trì tốc độ phát triển như hiện nay trong vài năm tới theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế. Nền kinh tế VN nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng sẽ hội nhập ngày càng sâu rộng hơn với nền kinh tế thế giới.
- VN đang là một địa chỉ đầy hấp dẫn đối với các nhà ĐTNN. Vốn ĐTNN đang và sẽ tiếp tục chảy mạnh vào VN.
- Nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là dịch vụ ngân hàng quốc tế đang còn rất nhiều tiềm năng phát triển và ngày càng gia tăng mạnh mẽ.
- Nhu cầu phát triển các dịch vụ ngân hàng được hỗ trợ theo các yếu tố phát triển của nền kinh tế như:
 - Cơ cấu dân cư, sự gia tăng các khu công nghiệp, khu đô thị mới.

- Số lượng doanh nghiệp gia tăng mạnh mẽ.
- Thu nhập của người dân Việt Nam đang dần tăng lên, sử dụng các dịch vụ ngân hàng đang dần trở thành thói quen.
- v.v...
- Khung pháp lý đang được hình thành đồng bộ, từng bước hoạt động theo chuẩn mực quốc tế nhằm đảm bảo an toàn hệ thống, tạo điều kiện cạnh tranh lành mạnh và minh bạch, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập tốt với quốc tế.
- Hội nhập sẽ gia tăng cơ hội liên kết, hợp tác nên từ đó ngành Ngân hàng có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn vốn, chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản trị, phát triển sản phẩm và khai thác thị trường, tiếp cận các thị trường mới, các nhóm khách hàng có mức độ rủi ro thấp.
- Sự phát triển của những định chế tài chính phi ngân hàng cũng sẽ là yếu tố cộng hưởng cho sự phát triển của lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Các chính sách thuộc các lĩnh vực khác cũng có những ảnh hưởng tác động nhất định đến sự phát triển của ngành ngân hàng.
- Các ngân hàng thương mại vẫn là các tổ chức cung cấp nguồn vốn chính cho nền kinh tế cho dù có thể giảm dần do các kênh dẫn vốn khác (thị trường chứng khoán, đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp) được mở rộng hơn.
- Các khách hàng lớn sẽ bắt đầu sử dụng các dịch vụ phòng ngừa rủi ro chất lượng cao của ngân hàng.
- Thị trường vốn trong nước được xây dựng hoàn chỉnh hơn. Tiến trình cổ phần hóa sẽ mở rộng nguồn hàng trên thị trường chứng khoán. Thị trường này sẽ dần đóng vai trò tích cực trong chuyển giao luồng vốn trực tiếp từ nhà đầu tư phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thông tin tài chính của doanh nghiệp dần trở nên công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các ngân hàng trong việc đánh giá chất lượng khách hàng và ra các quyết định đầu tư.
- Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức của ngân hàng được chuyển đổi dần cùng với quá trình hiện đại hóa công nghệ và hệ thống thanh toán. Quy mô các chi nhánh sẽ từng bước được thu gọn và tiêu chuẩn hóa những năng lực phục vụ được nâng cao rõ rệt.
- Cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ hơn nên buộc các ngân hàng phải hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Chiến lược trọng tâm của các ngân hàng sẽ là đầu tư mạnh cho công nghệ thông tin và tăng quy mô vốn điều lệ nhằm tăng cường sức cạnh tranh trên các mặt công nghệ và tài chính.
- Các ngân hàng TMCP Việt Nam sẽ bán tối đa cổ phần được phép cho các ngân hàng lớn, có tên tuổi của nước ngoài nhằm kêu gọi các ngân hàng nước ngoài tham gia hợp tác với tư cách là đối tác chiến lược để hỗ trợ các ngân hàng trong nước về

đầu tư đổi mới công nghệ, quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, phát triển nguồn nhân lực...

8.2. Lợi thế của Saigonbank

- **Về năng lực tài chính:** vốn điều lệ tại thời điểm 31/3/2010 là 1.500 tỷ đồng. Với mức vốn điều lệ trên, Saigonbank không ngừng nỗ lực tăng cường năng lực tài chính cho NH bằng cách tăng thêm vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng. Trên cơ sở đó tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại và mở rộng mạng lưới hoạt động của ngân hàng tại các Tỉnh, Thành phố lớn trên cả nước.
- **Mạng lưới hoạt động:** tại thời điểm 31/3/2010 mạng lưới hoạt động của Ngân hàng gồm 01 Hội sở, 32 chi nhánh, 45 phòng giao dịch và 03 điểm giao dịch, Saigonbank đang tiếp tục mở rộng mạng lưới các chi nhánh đến các tỉnh thành trên cơ sở tăng vốn điều lệ. Ngân hàng nhắm đến mục tiêu tăng khả năng tiếp cận của khách hàng với ngân hàng và cạnh tranh với các ngân hàng khác nhằm khẳng định tên tuổi Saigonbank trong sự lựa chọn của mỗi khách hàng.
- **Quy mô hoạt động KD:** đến 31/3/2010, tình hình hoạt động Ngân hàng như sau:
 - Tổng nguồn vốn huy động: 9.670 tỷ đồng.
 - Dư nợ tín dụng: 9.764,9 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế: 72,67 tỷ đồng.

Đạt được kết quả hoạt động kinh doanh như trên là do sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của Ngân hàng. Saigonbank luôn đề ra chỉ tiêu năm sau cao hơn năm trước làm mục tiêu phấn đấu.

- **Nguồn nhân lực:** Ban điều hành của Ngân hàng là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị tài chính – ngân hàng. Đội ngũ CBCNV hầu hết là những nhân viên trẻ tuổi, năng động, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn, luôn gắn bó với sự phát triển của Ngân hàng, có thái độ phục vụ khách hàng nhiệt tình, hòa nhã.
- **Hệ thống công nghệ thông tin:** nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong xu thế toàn cầu hóa, Saigonbank đã triển khai đổi mới hệ thống Core Banking từ năm 2007 nhằm mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử và ngân hàng hiện đại khác, từng bước hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới.
- **Hệ thống kiểm tra nội bộ:** hệ thống kiểm tra nội bộ được tổ chức xuyên suốt trong toàn hệ thống với những nhân viên đã có kinh nghiệm, thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các quy trình, quy chế của NHNN và Ngân hàng, qua đó có các đánh giá độc lập, khách quan về hoạt động của từng đơn vị trong toàn hệ thống và có các kiến nghị chỉnh sửa cụ thể nhằm hạn chế những rủi ro phát sinh ở mức thấp nhất và tăng tối đa hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

8.3. **Đánh giá về sự phù hợp định hướng:**

8.3.1. Định hướng phát triển ngành NH đến năm 2010 và định hướng đến 2020:

❖ *Định hướng:*

Tập trung hoàn thiện thể chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính Phủ. Điều hành chính sách tiền tệ một cách thận trọng và linh hoạt theo nguyên tắc thị trường, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng, kiềm chế lạm phát do Quốc hội đề ra. Ổn định thị trường ngoại hối, thị trường vàng trong nước. Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng công tác thống kê, dự báo tiền tệ và cán cân thanh toán Quốc tế. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt. Kiểm soát chặt chẽ nợ quá hạn, đảm bảo an toàn hệ thống các Tổ chức tín dụng.

❖ *Mục tiêu điều hành:*

- Tổng phương tiện thanh toán và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế tăng khoảng 25% so với cuối năm 2009.
- Lãi suất và tỷ giá được điều hành ở mức hợp lý phù hợp với các cân đối kinh tế vĩ mô, đảm bảo ổn định hoạt động và an toàn hệ thống.

❖ *Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm:*

- Tập trung hoàn thiện 2 dự thảo Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các Tổ chức tín dụng và tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung quy định về tiền tệ và hoạt động ngân hàng phù hợp các cam kết hội nhập và mở cửa thị trường tài chính, đặc biệt là quy định về đảm bảo an toàn hệ thống và quản lý ngoại hối.
- Điều hành lãi suất, tỷ giá chủ động, linh hoạt và thận trọng nhằm ổn định thị trường tiền tệ, bảo đảm khả năng thanh khoản của từng tổ chức tín dụng và cả hệ thống ngân hàng.
- Tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển thị trường ngoại hối: tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất, nâng cao hiệu quả điều tiết của Ngân hàng Nhà nước, phát triển các công cụ trên thị trường ngoại hối để các thành viên tham gia thị trường có thể lựa chọn để chủ động phòng ngừa rủi ro.
- Theo dõi, giám sát chặt chẽ và dự báo kịp thời diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính tiền tệ trong nước và quốc tế để có chính sách, giải pháp thích hợp trong điều hành hoạt động ngân hàng và xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh.
- Mở rộng tín dụng phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô, tiếp tục chỉ đạo các Tổ chức tín dụng cơ cấu lại tài sản và nguồn vốn theo hướng an toàn, bền vững, hỗ trợ tích cực cho quá trình cơ cấu lại nền kinh tế.
- Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng.
- Phát triển vững chắc và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ chức tín dụng, đảm bảo an toàn hệ thống.

- Tiếp tục triển khai Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006-2010 và định hướng 2020.
- Tăng cường hoạt động đối ngoại nhằm thu hút các nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế trong quá trình hội nhập.

8.3.2. Định hướng phát triển của SGCTNH đến năm 2014:

- Tiếp tục củng cố các hoạt động ngân hàng theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước và thông lệ Quốc tế, tăng trưởng trên cơ sở phát triển bền vững:
- Duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý, cân đối giữa huy động - cho vay và tận dụng cơ hội để tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững.
- Bảo đảm khả năng thanh khoản trong mọi tình huống để duy trì ổn định hoạt động ngân hàng.
- Loại trừ và khống chế nợ xấu ở mức thấp nhất và trong giới hạn cho phép.
- Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ theo kịp yêu cầu quản lý điều hành của Ban lãnh đạo Ngân hàng trong từng thời kỳ phù hợp với chủ trương quản lý điều hành của Ngân hàng Nhà nước và Chính Phủ.
- ❖ Tiếp tục củng cố hoạt động các chi nhánh theo hướng phát triển bền vững.
- ❖ Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống công nghệ lõi của ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm dịch vụ triển khai dựa trên nền tảng hệ thống công nghệ hiện đại.
- ❖ Phát triển thêm mạng lưới chi nhánh khi hội đủ các điều kiện quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- ❖ Thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá thương hiệu Saigonbank

8.3.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới:

Định hướng phát triển của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 2006-2010 đã được Quốc hội thông qua, định hướng phát triển chiến lược ngành ngân hàng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nên hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, của Chính Phủ và xu thế phát triển chung của thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Ngân hàng:

9.1.1. Theo cấp quản lý

Bảng 20: Số lượng lao động phân theo cấp quản lý

Theo cấp quản lý	Năm 2008	Năm 2009	31/03/2010
	(người)	(người)	(người)
Tổng CB-CNV, trong đó:	1.227	1.292	1.301
- Cán bộ quản lý	235	244	262
- Nhân viên	992	1.048	1.039

(Nguồn: Saigonbank)

9.1.2. Theo trình độ học vấn

Bảng 21: Số lượng lao động phân theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Năm 2008	Năm 2009	31/03/2010
	(người)	(người)	(người)
Trên đại học, đại học	704	743	745
Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	209	218	219
Khác	314	331	337
Tổng cộng	1.227	1.292	1.301

(Nguồn: Saigonbank)

9.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, các chế độ khác

Trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn mà ngành ngân hàng được xem là ngành đầu tàu đánh giá sự phát triển của một đất nước, sự cạnh tranh sẽ diễn ra vô cùng gay gắt, đặc biệt là sự cạnh tranh về nguồn nhân lực, nên khi nước ta hội nhập khu vực và thế giới, đòi hỏi Saigonbank phải có một nguồn nhân lực (nội lực) mạnh mẽ và vững vàng. Chính vì vậy, hằng năm Saigonbank đều có những chương trình đào tạo, chính sách lương, thưởng, đãi ngộ để phát triển nguồn nhân lực đồng thời tuyển dụng những lao động trẻ, năng động, có khả năng đáp ứng nhu cầu công việc, mở rộng mạng lưới hoạt động của ngân hàng để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển và hội nhập trong thời gian tới.

9.2.1. Chính sách đào tạo

Trong nền kinh tế tri thức, đóng góp vào sự thành công của một doanh nghiệp không thể không kể đến yếu tố quyết định đó là con người. Nhận thức được điều này, Ngân hàng luôn coi trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng. Bên cạnh việc phát triển các mảng hoạt động nghiệp vụ, HĐQT và Ban điều hành của Ngân hàng không ngừng quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực, thông qua các chương trình đào tạo chuyên ngành trong và ngoài nước, tạo điều kiện cập nhật kiến thức quản trị rủi ro của ngân hàng hiện đại cho đội ngũ cán bộ điều hành nhằm nâng cao chất lượng về trình độ quản lý, nghiệp vụ. Mục tiêu xuyên suốt của chính sách đào tạo là xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng. Nhìn chung, đội

ngũ cán bộ chủ chốt của Ngân hàng đều được chú ý, tuyển chọn và đào tạo đảm bảo cho sự phát triển nguồn nhân lực lâu dài của Ngân hàng.

9.2.2. Chính sách lương

Như đã đề cập ở trên, con người là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó muốn giữ được con người nhất là người giỏi, người có trình độ, quan trọng nhất có thể nói đến đó là chính sách đãi ngộ hay cụ thể là chính sách tiền lương. Tiền lương CBCNV Ngân hàng được hưởng theo hợp đồng lao động đã ký kết, ngoài ra CBCNV còn được: lương kinh doanh theo quy định của HĐQT từ 5% lãi gộp, phụ cấp trách nhiệm (đối với chức vụ lãnh đạo).

Theo định kỳ đến hạn nâng lương, CBCNV sẽ được Ngân hàng xem xét nâng lương đúng hạn, đối với CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao sẽ được xem xét nâng lương trước hạn. Khi CBCNV học văn bằng cao hơn cũng sẽ được nâng lương trước hạn.

Bảng 22: Tình hình thu nhập của CBCNV qua các năm

Thu nhập của CBCNV	Năm 2008	Năm 2009	31/3/2010
Tổng thu nhập (triệu đồng)	81.074	96.088	25.352
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	5,2	5,9	6,5

(Nguồn: Saigonbank)

9.2.3. Chính sách thưởng

Hàng năm, tùy theo kết quả hoạt động kinh doanh, CBCNV của Ngân hàng sẽ được thưởng 01 tháng lương bổ sung vào cuối năm tài chính.

Ngoài tiền lương hàng tháng, căn cứ vào kết quả hoạt động, số dư các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, CBCNV cũng sẽ được xét thưởng theo kết quả xếp loại A, B, C vào các dịp Lễ, Tết nhằm khuyến khích nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác và tăng thêm thu nhập cho CBCNV.

9.2.4. Chính sách đãi ngộ

Ngoài chính sách lương thưởng theo chế độ, hàng năm trong các đợt tăng vốn điều lệ, HĐQT và BTGD đều có chính sách ưu đãi đối với người lao động như: bán ưu đãi cổ phần cho CBCNV, thành viên HĐQT, BKS, thư ký HĐQT các nhiệm kỳ theo giá bán ưu đãi. Đây là nguồn thu nhập chính đáng cho CBCNV và Ban quản trị điều hành và là nguồn động viên khích lệ tinh thần làm việc của người lao động cũng như gắn bó quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển hoạt động của Saigonbank.

Ngoài ra, để thu hút nguồn lao động giỏi từ bên ngoài về làm việc tại Ngân hàng cũng được Ban điều hành chú trọng và đối với nguồn lao động này, Ban điều hành cũng

thành lập Quỹ phát triển nguồn nhân lực, với nguồn cổ phiếu trích mua hàng năm, để bán ưu đãi cho các nhân sự về công tác tại Ngân hàng theo từng đơn vị công tác.

9.2.5. Chính sách trợ cấp

Ngân hàng thực hiện chính sách đối với CBCNV theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể CBCNV. CBCNV của Ngân hàng được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận: trợ cấp bữa ăn giữa ca, chi phí đồng phục, được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, các chế độ cho việc thai sản, ốm đau, tử tuất, tham quan nghỉ mát...

Khi CBCNV đến tuổi nghỉ hưu, nếu có thời gian công tác đủ 05 năm thì được hưởng 01 tháng lương thực tế. Sau đó, cứ đủ 01 năm công tác tăng thêm thì được hưởng 10% tháng lương (mức thưởng tối đa không quá 03 tháng lương/01 người).

9.2.6. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, và thỏa ước lao động tập thể, thông qua hoạt động của Công đoàn, Ngân hàng cũng luôn quan tâm đến khuyến khích CBCNV tự rèn luyện chuyên môn cũng như chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV, cụ thể:

- Vận động thanh niên tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, vi tính để đáp ứng đòi hỏi của công việc.
- Tổ chức các đợt tham gia dự thi tìm hiểu về những thành tựu trong công cuộc đổi mới của Đảng, tìm hiểu về kiến thức pháp luật tổ chức trong CBCNV, góp phần nâng cao trình độ nhận thức chính trị, kỹ năng nghề nghiệp.
- Tổ chức các cuộc thi nâng cao tay nghề của kiểm ngân viên, cán bộ tín dụng giỏi, cán bộ tin học giỏi... để đẩy mạnh phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo trong CBCNV.
- Công đoàn tham gia xây dựng thỏa ước lao động tập thể, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách quy định có liên quan đến CBCNV như: tiền lương, tiền thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, ngày phép năm, công tác phí, chế độ lưu trú, tiền cơm trưa...
- Trao tặng quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho các cháu con CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với mức 600.000 đồng/cháu/năm.

10. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức

Ngân hàng tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của

năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới. Trong những năm qua việc chi trả cổ tức cho các cổ đông đều được thực hiện đầy đủ.

Bảng 23 : Tình hình tỷ lệ cổ tức qua các năm

	Năm 2008	Năm 2009	Dự kiến 2010
Tỷ lệ cổ tức	12%	10% tiền mặt 6,23% CP thưởng	11%
Phương thức thanh toán	Tiền mặt	Tiền mặt và cổ phiếu	Tiền mặt

(Nguồn: Saigonbank)

11. Tình hình tài chính

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009	31/3/2010
1. Quy mô vốn				
- Vốn điều lệ	triệu đồng	1.020.000	1.500.000	1.500.000
- Tổng tài sản có	triệu đồng	11.205.359	11.875.915	11.998.622
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	14,34	15,85	15,67
2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
- Nguồn vốn huy động	triệu đồng	9.428.609	9.606.623	9.669.618
- Dự nợ cho vay	triệu đồng	7.919.976	9.723.620	9.764.914
- Nợ quá hạn (nhóm 2 đến nhóm 4)	triệu đồng	243.677	152.414	276.880
- Nợ khó đòi (nhóm 5)	triệu đồng	-	53.601	56.529
- Hệ số sử dụng vốn				
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân	%	15,81	16,68	4,26
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,51	1,82	0,54
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	0,00%	0,00%	0,00%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	3,08%	1,57%	2,84%
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	-	0,551%	0,579%
3. Khả năng thanh khoản				
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 01 tháng tiếp theo	%	108,18	50,38	53,75
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn	%	15,91	32,55	29,54

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank 2008-2009 và BCTC hợp nhất đến 31/3/2010)

12. Danh sách và sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

12.1. Danh sách Hội đồng Quản trị:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

- Từ tháng 7/2007 - đến nay: Phó chánh Văn Phòng Thành ủy TPHCM, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000): **20.795 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,014%**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không

12.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **ĐÀO HẢO**

Ngày tháng năm sinh : 06/08/1958 Giới tính: Nam

Nơi sinh : Bình Định

Số CMND : 020588765

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Bình Định

Địa chỉ thường trú: AA 53 Chung cư Cảnh Viên 1, Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TPHCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0903803873

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh TP HCM.

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1980 – đến nay: công tác tại Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh TP HCM.
- Từ 04/2002 – đến nay: là thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000): **68.893 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,05 %**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không*

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không*

12.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **NGUYỄN VIỆT MẠNH**

Ngày tháng năm sinh : 15/02/1962 Giới tính: Nam

Nơi sinh : Quảng Phú Cầu, Ứng Hoà, Hà Tây
Số CMND : 110511834
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Quảng Phú Cầu, Ứng Hoà, Hà Tây
Địa chỉ thường trú : 98 Vọng Hà, P. Chương Dương, HK, HN
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (04) 9425611
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam.

Các công tác đã trải qua:

- Từ 4/1984 – 3/1987: Cán bộ tín dụng Ngân hàng Quảng Nam – Đà Nẵng;
- Từ 4/1987 – 12/1992: Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Công thương Đống Đa;
- Từ 01/1993 – 01/1997: Phó phòng, Trưởng phòng Kế toán NHCT Đống Đa;
- Từ 02/1997 – 01/1999: Phó Giám đốc NHCT Đống Đa;
- Từ 02/1999 – 9/1999: Giám đốc Ngân hàng Công Thương Đống Đa;
- Từ 10/1999 – 3/2003: Giám đốc Ngân hàng Công Thương Ba Đình;
- Từ 4/2003 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Từ 04/2008 – đến nay: là thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000 đồng): **0 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,00%.**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không.*

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không.*

12.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên : **NGUYỄN NGỌC ĐIỀU**
Ngày tháng năm sinh : 19/01/1956 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Quận Bình Thạnh, TPHCM
Số CMND : 020765603

Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : TPHCM
Địa chỉ thường trú : 97 Phan Văn Trị, P. 14, Q. Bình Thạnh, TPHCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0913.925.533
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Du lịch - Thương mại Kỳ Hòa.

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1976-1980: sinh viên Trường Đại học Kinh tế TPHCM
- Từ 1980-1983: thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trường Hậu Cần Quân khu 7
- Từ năm 1983-1988: Cán bộ Công ty Vật tư Tổng hợp Thành phố
- Từ 1988-1990: Kế toán trưởng XN Chế biến Nông sản- Thực phẩm TPHCM
- Từ 1990-1992: Kế toán trưởng XN Du lịch Vận tải- Công ty Xe khách liên tỉnh miền Đông.
- Từ 1992-1995 : Cán bộ Trung tâm nghiên cứu thị trường (Cesais) thuộc trường Đại học Kinh tế TPHCM.
- Từ 1995-1997 : Kế toán trưởng Trung tâm nghiên cứu Thiết bị Nhiệt và Năng lượng mới thuộc Đại học Bách Khoa TPHCM.
- Từ 1997-2009: Cán bộ Ban Tài chính Quản trị Thành Ủy (2004 là Trưởng phòng Ngân sách) nay là Văn Phòng Thành Ủy.
- Từ 2009- đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Du lịch- Thương mại Kỳ Hòa.
- Từ 04/2010 – đến nay: là thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000 đồng): **0 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,00%.**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): Không.

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): Không.

12.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	: NGUYỄN HỮU THỌ
Ngày tháng năm sinh	: 01/01/1951 Giới tính: Nam
Nơi sinh	: Xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, Bình Định
Số CMND	: 020127189
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Bình Định
Địa chỉ thường trú	: 42 Nguyễn Hiền, Phường 4, Quận 3, TP HCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	: 8296003
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Đại học

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.

Các công tác đã trải qua:

- Từ năm 1967 – 1973: Giao liên Chi bộ Đại học Khoa học – Sư phạm - Tự vệ mật.
- Từ năm 1973 – 1975: Cán bộ lực lượng vũ trang Sài Gòn – Gia Định.
- Từ tháng 3/1975 – 1976: Tham gia giải phóng Q.11, Phụ trách B trinh sát quân báo Q.11
- Từ 1976 – 1979: Đi học tiếp đại học Bách khoa TP HCM
- Từ 1979 – 1981: Phó trưởng phòng KCS, Phó trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh của XN Liên hiệp Điện cơ.
- Từ 1981 – 1983: Thành Ủy cử đi học trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc – Hà Nội.
- Từ 1983 – 03/1990: Về XN Liên hiệp Điện cơ giữ các chức vụ: Phó trưởng phòng kỹ thuật; Trưởng phòng cơ điện; Trưởng phòng TCCB; Giám đốc XN Cơ điện Gò Vấp; Bí thư Đảng ủy XN Liên hiệp Điện cơ; Đảng ủy viên Sở Công Nghiệp Thành phố.
- Từ 04/1990 – 02/1999: Công tác tại Công ty Du lịch TP HCM, giữ các chức vụ: Cán bộ tổ chức, Phó Giám đốc KS Hữu Nghị, GD KS Kim Đô; Thường vụ Đảng ủy Công ty Du lịch TP HCM.

- Từ 03/1999 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn; Tổng Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.
- Từ 02/2007 – đến nay: là thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000): **7.971 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,01 %**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không*

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không*

12.1.6. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	: TRẦN THẾ TRUYỀN	
Ngày tháng năm sinh	: 19/03/1965	Giới tính: Nam
Nơi sinh	: Cần Thơ	
Số CMND	: 023971154	
Quốc tịch	: Việt Nam	
Dân tộc	: Kinh	
Quê quán	: Cần Thơ	
Địa chỉ thường trú	: 2/5 đường số 22, P. 5, Quận Gò Vấp, TPHCM.	
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	: (08) 9307989	
Trình độ văn hóa	: 12/12	
Trình độ chuyên môn	: Đại học	

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Thành viên, Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên Dầu khí TPHCM

Các công tác đã trải qua:

- Từ 02/1988 – 05/1988: Nhân viên Kế toán Sở Xây dựng Cần Thơ.
- Từ 05/1988 – 04/1993: Kế toán viên, Kế toán trưởng XN Chế biến gỗ Hậu Giang.
- Từ 04/1993 – 11/1997: Kiểm soát viên độc lập thuộc Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C) - Bộ Tài chính tại TPHCM.

- Từ 11/1997 đến nay: Làm việc tại Công ty Dầu khí TPHCM, trải qua các chức vụ: Kế toán tổng hợp, Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng kiêm uỷ viên Hội đồng thành viên.
- Từ 6/2007 – đến nay: là thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000): **1.382 cổ phần**.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,001%**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không*

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không*

12.2. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY SINH	SỐ CMND
1	Trần Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	10/02/1952	024096223
2	Nguyễn Thị Mười	Phó Tổng Giám đốc	28/01/1950	020413666
3	Phạm Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc	12/05/1954	012121850
4	Ngô Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	21/05/1952	020014507

12.2.1 Tổng Giám đốc

Họ và tên : **TRẦN THỊ VIỆT ÁNH**

Ngày tháng năm sinh : 10/02/1952 Giới tính: Nữ

Nơi sinh : Thanh Xuân, Ô Môn, Cần Thơ

Số CMND : 024096223 Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Vĩnh Long

Địa chỉ thường trú: 23/36/2 D2 Văn Thánh Bắc, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP HCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (08) 3.9.143.189

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên Hội đồng Quản trị Khách sạn Sài Gòn Hạ Long, Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigonbank - Berjaya.

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1973-1975: Tham gia cách mạng công tác tại Ban Kinh tài R
- Từ 1975-1977: Nhân viên vụ phát hành Ngân quỹ Ngân hàng TW
- Từ 1977-1994: Giáo viên, Phó Chủ nhiệm khoa Kế toán trường Đại học Ngân hàng
- Từ 12/1994-10/2004: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
- Từ 11/2004 - đến nay: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
- Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000): **192.984 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,129%**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không*

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không*

12.2.2. Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **NGUYỄN THỊ MƯỜI**
Ngày tháng năm sinh : 28/01/1950 Giới tính: Nữ
Nơi sinh : Qui Nhơn, Bình Định.
Số CMND : 020413666
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Qui Nhơn, Bình Định.
Địa chỉ thường trú : 21 đường 47, Phường 4, Quận 4, HCMC
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (08) 9143684
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Đại học

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1974 – 4/1975: Phòng nghiên cứu – Nha ngân khố
- Từ 5/1975 – 1980: Phòng Quản lý Ngân sách Ngân hàng Nhà nước
- Từ 1980 – 1/1990: Phòng Kế toán Ngân hàng TP HCM
- Từ 2/1990 – 5/1990: Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

- Từ 6/1990 – 8/1990: Q. Trưởng Phòng kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương Chi nhánh Tân Bình
 - Từ 9/1990 – 10/1991: Q.Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
 - Từ 11/1991 – 10/2004: Trưởng Phòng kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
 - Từ 11/2004 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
 - Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000): **171.164 cổ phần.**
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,114 %**
- Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không*

12.2.3. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **PHẠM THỊ CÚC**

Ngày tháng năm sinh : 12/05/1954 Giới tính: Nữ

Nơi sinh: Thôn Đồn Sơn, xã Yên Đức, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Số CMND : 012121850

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đồn Sơn, Yên Đức, Đông Triều, Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: P803, nhà A3, Làng Quốc tế Thăng long, Cầu Giấy, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (04) 9761004

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không.

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1971-1987: nhân viên kế toán, Ngân hàng Nhà nước thị xã Uông bí, Quảng Ninh.
- Từ 1988-3/1990: kế toán trưởng Ngân hàng Công thương thị xã Uông bí, Quảng Ninh .
- Từ 4/1990-12/1991: trưởng phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước tại thị xã Uông bí, Quảng Ninh.

- Từ 1998-2005: Phó Giám đốc Ngân hàng Ngoại Thương Chi nhánh TP HCM, phụ trách lần lượt các phòng Thanh toán Xuất nhập khẩu, Phòng Hối đoái, Phòng Quan hệ quốc tế, Phòng Kế toán giao dịch.
- Từ 01/2006 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000): **28.363 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,019%**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không*

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không*

12.3. Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY SINH	SỐ CMND
1	Nguyễn Hữu Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	14/11/1967	361067553
2	Trần Thu Thủy	Kiểm soát viên	29/05/1951	020027477
3	Vũ Quỳnh Mai	Kiểm soát viên	29/11/1971	022102166

12.1. Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : **NGUYỄN HỮU HẠNH**

Ngày tháng năm sinh : 14/11/1967 Giới tính: Nam

Nơi sinh : Bình Dương

Số CMND : 361067553

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hậu Giang

Địa chỉ thường trú : 820 C/c Phan Văn Trị, P.2, Q. 5, TP.HCM

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0903904728

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc Ban Tổ chức hành chính Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu.

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1991-2004: Công ty Dệt may Thắng Lợi

12.3. Kiểm soát viên

Họ và tên : **VŨ QUỲNH MAI**
Ngày tháng năm sinh : 29/11/1971 Giới tính: Nữ
Nơi sinh : TP HCM
Số CMND : 022102166
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Bình Định

Địa chỉ thường trú: 193/88 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TPHCM
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Đại học

Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Kiểm soát viên

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các công tác đã trải qua:

- Từ 1989 – 1991: ở nhà;
- Từ 1991 – 1996: Công nhân XNCD5;
- Từ 1999 – 8/2007: kế toán Công ty TNHH TM Toàn Sáng;
- Từ 19/4/2008 - đến nay: kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000 đồng): **2.826 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,002 %.**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không.*

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không.*

12.4. Kế toán trưởng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY SINH	SỐ CMND
1	Hứa Tuấn Cường	Kế toán trưởng	23/05/1979	023443347

Họ và tên : **HỨA TUẤN CƯỜNG**
Ngày tháng năm sinh : 23/05/1979 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Hà Nội

Số CMND : 023443347
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : L47-48 Đường 11, Trần Nãi, Phường Bình An, Quận 2, Tp. HCM.
 Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (08) 9.143.183
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Tiến Sỹ
 Chức vụ hiện tại ở NH TMCP Sài Gòn Công Thương: Kế toán trưởng
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigonbank-Berjaya.

Các công tác đã trải qua:

- Từ 02/2008-07/2008: Phó Phòng Tài chính Kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương.
- Từ 08/2008-11/2008: Phó Giám đốc Phân tích nghiên cứu Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank – Berjaya.
- Từ 12/2008 – đến nay: Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, đồng thời là Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank-Berjaya.

Số lượng cổ phần bản thân nắm giữ (mệnh giá 10.000): **1.275 cổ phần.**

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: **0,011%**

Các khoản nợ đối với Ngân hàng (nếu có): *Không*

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành (nếu có): *Không*

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định hữu hình

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

Bảng 25: Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc và quyền sử dụng đất (*)	472.672	53.685	418.987
2	Máy móc, thiết bị	51.502	28.445	23.057

3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	35.567	17.454	18.113
4	Tài sản khác	26.899	17.451	9.448
Tổng cộng		586.640	117.035	469.605

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank tại thời điểm 31/12/2009)

(*) Một số quyền sử dụng đất lâu dài và nhà cửa, vật kiến trúc trên đó được Ngân hàng mua nhưng được phân loại toàn bộ vào tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính của nhà cửa vật kiến trúc đó vì Ngân hàng chưa tìm được cơ sở chắc chắn để phân tích.

13.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 26: Giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
1	Quyền sử dụng đất	-	-	-
2	Phần mềm kế toán	33.325	10.654	22.671
Tổng cộng		33.325	10.654	22.671

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán của Saigonbank tại thời điểm 31/12/2009)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Căn cứ vào tình hình kinh tế hiện nay, Saigonbank đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo như sau:

Bảng 27: Kế hoạch lợi nhuận Saigonbank trong các năm tới

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010		2011		2012		2013		2014	
	Giá trị	So sánh 2009	Giá trị	So sánh 2010	Giá trị	So sánh 2011	Giá trị	So sánh 2012	Giá trị	So sánh 2013
Tổng tài sản	15.485	30%	20.250	31%	26.000	28%	34.700	33%	45.300	31%
Vốn điều lệ	3.000	100%	4.000	33%	5.000	25%	7.500	50%	10.000	33%
Vốn huy động	11.575	20%	15.055	30%	19.599	30%	25.492	30%	33.156	30%
Dư nợ cho vay	11.045	14%	13.806	25%	17.258	25%	21.572	25%	26.965	25%
Lợi nhuận trước thuế	325	17%	613	89%	793	29%	1.020	29%	1.453	42%
Lợi nhuận sau thuế	244	16%	460	89%	595	29%	765	29%	1.090	42%
Tỷ lệ LNST /TTS bình quân.(%)	1,78		2,57		2,57		2,52		2,73	
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ bình quân.(%)	10,83		13,14		13,22		12,24		12,46	
Tỷ lệ cổ tức (%)	11%		11%		11%		11%		11%	

(Nguồn: Saigonbank)

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên**

- Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh trong thời gian qua và định hướng phát triển 2010-2014 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương.
- Căn cứ vào tình hình phát triển của nền kinh tế năm 2009 và mục tiêu tổng quát cho năm 2010 đã được Quốc hội thông qua là nỗ lực phấn đấu phục hồi tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao hơn năm 2009; tăng tính ổn định kinh tế vĩ mô; nâng cao chất lượng tăng trưởng; ngăn chặn lạm phát cao trở lại; tăng khả năng bảo đảm an sinh xã hội; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế Quốc tế;... và các chỉ tiêu phát triển kinh tế năm 2010 đã được Quốc hội thông qua như sau:
 - Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,5% so với năm 2009, trong đó: giá trị tăng thêm của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 2,8%; ngành công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 7%, dịch vụ tăng khoảng 7,5% so với năm 2009. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 6% so với năm 2009.
 - Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng 41% GDP.
 - Bội chi ngân sách bằng 6,5% GDP.
 - Chỉ số tăng giá tiêu dùng khoảng 7%.
- Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 03/04/2010 về việc tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong năm 2010.
- Thực hiện chiến lược phát triển chung của ngành Ngân hàng phấn đấu từ nay đến năm 2020, các Ngân hàng thương mại phấn đấu trở thành tập đoàn tài chính hoạt động đa năng trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.
- Doanh thu kế hoạch đặt ra dựa trên cơ sở tình hình hoạt động của Ngân hàng trong thời gian qua cùng với việc mở rộng quy mô hoạt động sang các lĩnh vực khác để phấn đấu sau năm 2014 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương tiến lên một tập đoàn tài chính.
- Tỷ lệ cổ tức chi trả cho các cổ đông dựa trên cơ sở lợi nhuận Ngân hàng dự tính đạt được qua các năm.
- Ngoài ra, theo kế hoạch Sài Gòn Công thương hoàn thành Dự án CoreBanking Quý I/2010, từ đó sẽ mở ra những cơ hội trong việc phát triển cũng như hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong giai đoạn 2010 - 2014.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (Saigonbank), cùng với việc phân tích thị trường tài chính – ngân hàng trong nước và quốc tế, Công ty Cổ phần Chứng Khoán SaigonBank Berjaya (SBB) có một số ý kiến sau:

- Năm 2009, nền kinh tế Việt Nam có nhiều thăng trầm do chịu ảnh hưởng tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng vẫn duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và là một trong những nước thành công trong chống suy giảm kinh tế, duy trì tốc độ tăng trưởng trong năm. Từ đầu năm, Chính phủ đã triển khai các chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế như cho vay hỗ trợ bù lãi suất; miễn giảm, gia hạn nợ thuế; kích thích xuất khẩu, kích cầu đầu tư và tiêu dùng,... Đến giữa năm 2009, nhằm ngăn chặn lạm phát, NHNN đã thực hiện các biện pháp như khống chế tăng trưởng tín dụng, nâng lãi suất cơ bản... và tiếp theo trong những tháng cuối năm, do biến động tỷ giá, giá vàng nên đã tác động tiêu cực đến nguồn vốn VND của các NHTM nên thị trường đã tái diễn cuộc đua lãi suất mới,... Với những diễn biến phức tạp của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của Saigonbank năm 2009 cũng đã đạt được những thành quả nhất định. Chúng tôi đánh giá cao kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được năm 2009 của Ngân hàng được đặt trong bối cảnh kinh tế hiện hữu so với mức sinh lời bình quân của ngành và cũng như các ngành khác.

- ✓ Tổng nguồn vốn: 11.876 tỷ đồng, tăng 5,99% so với cuối năm 2008, đạt 83,05% kế hoạch năm 2009, trong đó vốn điều lệ đã tăng lên 1.500 tỷ đồng.

Trong năm 2009, SGCTNH thực hiện 02 đợt phát hành cổ phần: tăng vốn điều lệ từ 1.020 tỷ đồng lên 1.412 tỷ đồng và sau đó tăng từ 1.412 tỷ lên 1.500 tỷ đồng. Các đợt phát hành đều triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- ✓ Vốn huy động: 9.607 tỷ đồng. Năm 2009, Ngân hàng đã tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động theo hướng phát triển bền vững, hạn chế và giảm dần việc sử dụng nguồn vốn từ liên NH, tăng huy động từ doanh nghiệp và dân cư, trong đó nguồn huy động từ dân cư đã tăng 20,36% so với đầu năm, nguồn vốn Liên ngân hàng giảm 74,45% so với đầu năm.

- ✓ Hoạt động cho vay: 9.724 tỷ đồng, tăng 22,77% so với đầu năm, vượt 4,04% kế hoạch năm 2009, trong đó nợ nhóm 3-5 là 173 tỷ đồng, chiếm 1,78% trên tổng dư nợ và riêng nợ nhóm 5 là 54 tỷ đồng, chiếm 0,55% trên tổng dư nợ.

Thành công của hoạt động tín dụng năm 2009 là cho vay trên cơ sở sàng lọc khách hàng và tích cực tham gia chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất theo chủ trương của Chính Phủ và NHNN nên hoạt động tín dụng có mức tăng trưởng 22,77% so với đầu năm và đã góp phần bảo đảm hiệu quả kinh doanh trong hoạt động NH.

- Kế hoạch và cổ tức 2009: kinh tế Việt Nam đã vượt qua được những khó khăn nhất trong năm 2008, năm 2009 với gói kích cầu của Chính phủ đa dân phát huy hiệu quả, nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính, tiền tệ nói riêng dần đi vào ổn định. Với nhận định kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà hồi phục, Quốc hội đã thông qua chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 6,5% trong năm 2010. Tuy nhiên so với năm 2009 thì chính sách tiền tệ của NHNN được dự đoán sẽ thắt chặt hơn. Tài chính ngân

hàng là ngành có mối liên hệ thuận chiều với tốc độ phát triển kinh tế, hơn nữa Saigonbank đã khẳng định được năng lực kinh doanh trong những thời điểm khó khăn của giai đoạn 2008-2009. Với kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 -2014 do Saigonbank đề ra, chúng tôi thấy rằng những mục tiêu trên là khả thi.

Trên cơ sở đã xem xét tác động tổng hợp của những nhân tố trên, chúng tôi cho rằng nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Saigonbank, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Ngân hàng đề ra có thể thực hiện được. Kế hoạch chi trả cổ tức của Saigonbank được duy trì ổn định nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông. Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành ngân hàng nói chung và Saigonbank nói riêng. Những đánh giá của tổ chức tư vấn chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:

Không có

PHẦN V

CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu** : cổ phiếu phổ thông, ký danh
2. **Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phần (*mười nghìn đồng/cổ phần*)
3. **Tổng số cổ phần dự kiến chào bán:** 150.000.000 cổ phần
4. **Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá:** 1.500.000.000.000 (*Một ngàn năm trăm tỷ đồng*)
5. **Giá chào bán**
 - Giá bán đối với cổ đông hiện hữu: **10.000 đồng/cổ phần.**
 - Bán cho các nhà đầu tư trong nước bên ngoài: theo giá thoả thuận với mức giá và điều kiện phù hợp nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

5. Phương pháp tính giá

Đợt phát hành cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương dành quyền ưu tiên phân phối hết cho cổ đông hiện hữu. Do tính chất của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào Luật doanh nghiệp, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và trên cơ sở lợi ích các đối tượng liên quan, giá chào bán cổ phiếu cho đợt phát hành này là 10.000 đồng/cổ phần.

6. Hình thức phân phối

Cổ đông hiện hữu: Thông báo trực tiếp cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quyết nghị Hội Đồng Quản trị, sau khi đã tiến hành các thủ tục cần thiết.

Các nhà đầu tư trong nước bên ngoài: thông báo cho các đối tác đã được Hội đồng Quản trị thương lượng về số lượng được mua theo giá bán đã thoả thuận.

7. Phương thức phân phối

Việc phân phối số lượng 150.000.000 cổ phần dự kiến được chia làm 03 đợt như sau:

7.1. Đợt 01: Tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phần chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

- Số lượng cổ phần chào bán: 150.000.000 cổ phần.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 1.500 tỷ đồng.
- Phương thức chào bán: theo phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ thực hiện quyền:

Cổ đông có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 100:100 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại thời

điểm chốt danh sách được mua thêm 100 cổ phiếu mới bằng mệnh giá), tương đương với tỷ lệ 100% trên số cổ phần cổ đông hiện hữu đang nắm giữ. Công thức xác định số cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu như sau:

$$\text{Số cổ phiếu được mua} = \text{số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách}$$

▪ *Nguyên tắc làm tròn:*

Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua. Số cổ phần chào bán sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

▪ *Chuyển nhượng quyền mua:*

Cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua theo tỷ lệ quyền mua quy định, hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, hoặc từ chối quyền mua cổ phần. Quyền mua cổ phần chỉ được phép chuyển nhượng một lần. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.

▪ *Thời gian phân phối:*

Dự kiến hoàn thành vào Quý III/2010. Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của Ngân Hàng Nhà nước và Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.

7.2. Đợt 02: Tổ chức bán số cổ phần còn lại do cổ đông không thực hiện quyền mua cho các nhà đầu tư trong nước bên ngoài.

▪ Đại Hội Đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn, thương lượng và quyết định về số lượng, giá bán cổ phần cho các nhà đầu tư trong nước bên ngoài theo nguyên tắc tuân thủ các quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi tối đa cho ngân hàng.

▪ *Thời gian phát hành:* dự kiến hoàn thành trong tháng 10 và 11/2010. Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của Ngân Hàng Nhà nước và Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.

7.3. Đợt 03: Xử lý số cổ phần còn lại do cổ đông không thực hiện quyền mua, số cổ phần không chào bán hết, số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn.

▪ *Số lượng cổ phiếu chào bán:*

Chào bán số cổ phần còn lại của Đợt 01 do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn lại của Đợt 02 do chưa phát hành hết cho các nhà đầu tư trong nước bên ngoài, số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn.

▪ *Phương thức chào bán:*

Việc phân phối số cổ phần còn lại thực hiện theo 01 trong 02 cách sau:

- Trong trường hợp số cổ phần còn lại nhiều, đủ để phân phối đồng đều cho các cổ đông, Hội đồng Quản trị xác định tỷ lệ thực hiện quyền cụ thể của cổ đông để bảo đảm bán hết số cổ phần dự kiến phát hành và đạt mức vốn điều lệ là 3.000 tỷ đồng.

Đại Hội Đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định tỷ lệ thực hiện quyền mua của cổ đông của Đợt 3 trên cơ sở số cổ phần phát hành còn lại của 02 đợt. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua.

- Trong trường hợp số cổ phần còn lại quá ít, không đủ để phân phối đồng đều cho các cổ đông hiện hữu, Hội đồng Quản trị sẽ bán chỉ định cho một số cổ đông hiện hữu để bán hết số cổ phiếu dự kiến phát hành.

▪ **Thời gian phát hành:**

Dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2010. Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của Ngân Hàng Nhà nước và Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.

8. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được Giấy phép phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Saigonbank sẽ thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng chi tiết về lịch trình cụ thể của Đợt phát hành.

Trình tự thủ tục cụ thể như sau:

Stt	Trình tự thủ tục	Thời gian dự kiến
1	Tổ chức phát hành nộp Hồ sơ phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên UBCKNN	
2	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ.	Giả định là thời điểm D
3	Thông báo phát hành trên báo trong 3 số liên tiếp	Từ D đến D+7
4	<u>Đợt 1:</u> Chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu tại thời điểm đã được xác định trong thông báo	D+10
5	Cổ đông trong danh sách chốt quyền mua cổ phiếu sẽ đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	Từ D+11 đến D+46
6	<u>Đợt 2:</u> Tổ chức bán số cổ phần còn lại trong Đợt 1	D+50
7	<u>Đợt 3:</u> Sau khi kết thúc Đợt 2, xử lý số cổ phần còn lại	
8	Saigonbank báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN	
9	Chuyển giao cổ phiếu cho các cổ đông và các đối tượng đăng ký mua	

9. Đăng ký mua cổ phiếu:

9.1. Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu

Thời gian đăng ký và đóng tiền mua cổ phần sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành.

9.2. Số lượng cổ phiếu phát hành

Số lượng: 1.500.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

9.3. Phương thức thanh toán

Nhà đầu tư nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (Saigonbank)

9.4. Phương thức chuyển giao cổ phần:

Cổ phần được phát hành và nhận trực tiếp tại Hội sở Sài Gòn Công Thương Ngân hàng hay tại Công ty Chứng khoán do Saigonbank chỉ định.

Địa chỉ: 02C Phó Đức Chính, Quận I, Tp. HCM.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Theo Điều 4 Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam có quy định nguyên tắc sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam; Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam; Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam; Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam; Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Theo Điều 19 Điều lệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương thì tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của Ngân hàng khi được NHNN cho phép.
- Mặc dù các quy phạm pháp luật cho phép nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tham gia vốn vào các Ngân hàng Việt nam; tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 31/3/2010, căn cứ vào sổ quản lý theo dõi cổ đông của Saigonbank, số cổ phần của các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng là: **0 cổ phần (0%)** và hiện tại Saigonbank chưa có chủ trương bán cổ phần cho các cổ đông nước ngoài, nên việc phát hành cổ phần chỉ tập trung vào các cổ đông là pháp nhân và cá nhân trong nước.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Theo Điều 19 Điều lệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương thì tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của Ngân hàng khi được NHNN cho phép nên Ngân Hàng sẽ không thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông trong nước cho các tổ chức, cá nhân người nước ngoài khi chưa có ý kiến chấp thuận của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam. Ngoài ra, hiện nay Saigonbank chưa có chủ trương bán cổ phần cho các cổ đông nước ngoài, nên Ngân Hàng chỉ tập trung phát hành cổ phần cho các cổ đông là pháp nhân và cá nhân trong nước, chưa phát hành cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài.

12. Các loại thuế có liên quan

Cổ tức từ cổ phần sở hữu và chênh lệch giá do chuyển nhượng cổ phần là thu nhập chịu thuế, vì vậy cổ đông nộp thuế thu nhập cho cổ tức và thu nhập chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định tại:

- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003;
- Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua chứng khoán:

Tên Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương

Địa chỉ : 02C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.I, TP.HCM

Số tài khoản : **0001.704.08.000157**

PHẦN VI

MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Mục đích chào bán

Việc tăng vốn điều lệ trong năm 2010 nhằm đáp ứng yêu cầu sau:

- Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô về vốn hoạt động, tăng cường nguồn vốn trung dài hạn, tạo điều kiện mở rộng quy mô đầu tư, cho vay, huy động vốn,...
- Đảm bảo khả năng về vốn tự có để đầu tư tài sản cố định, nâng cao cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới hoạt động.

2. Phương án khả thi

2.1. Tăng năng lực tài chính:

Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thực hiện nhằm tuân thủ quy định của Chính Phủ tại Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006, trong đó quy định bắt buộc mức vốn điều lệ của các TCTD đến cuối năm 2010 là 3.000 tỷ đồng.

2.2. Tăng vốn để duy trì mạng lưới hoạt động hiện có:

Với số lượng 32 chi nhánh hiện có (trong đó 17 chi nhánh tại Hà Nội và TPHCM, 15 chi nhánh tại các tỉnh khác), yêu cầu vốn điều lệ để bảo đảm hoạt động các chi nhánh trên theo Quyết Định 13/2008/QĐ-NHNN ngày 29/4/2008 của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam là :

$$(100 \text{ tỷ} \times 17 \text{ chi nhánh}) + (50 \text{ tỷ} \times 15 \text{ chi nhánh}) = 2.450 \text{ tỷ đồng.}$$

Như vậy, với vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng hiện nay , để bảo toàn và duy trì mạng lưới các chi nhánh hiện có theo quy định của NHNN, Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Công Thương buộc phải tiếp tục tăng vốn điều lệ trong năm 2010 để đạt đủ số vốn hoạt động theo quy định của NHNN và Chính Phủ.

Do đó, nguồn bán sau khi chào bán cổ phần sẽ được đầu tư vào việc duy trì mạng lưới hoạt động hiện có và mở rộng thêm mạng lưới các chi nhánh của Saigonbank (theo kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán)

Các dự án sử dụng vốn từ đợt phát hành này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

PHẦN VII

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC
TỪ ĐỢT CHÀO BÁN****1. Mở rộng mạng lưới chi nhánh: khoảng 300 tỷ đồng.**

Đến cuối năm 2009, SGCTNH chỉ mới thành lập 32 chi nhánh và 40 Phòng Giao dịch tại một số khu vực kinh tế trọng điểm trong cả nước. Mạng lưới hoạt động hiện nay chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển, mở rộng hoạt động nên để mở rộng thị phần thời gian tới, SGCTNH sẽ sử dụng nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu để đầu tư và thành lập thêm Chi nhánh tại một số khu vực trọng điểm kinh tế trong nước theo kế hoạch kinh doanh hàng năm.

2. Tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động: khoảng 1.150 tỷ đồng.

SGCTNH sẽ sử dụng nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu để bổ sung nguồn vốn trung dài hạn nhằm điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn ngắn hạn trong cho vay trung dài hạn theo quy định Ngân hàng Nhà nước (theo Thông tư 15/2009/TT-NHNN ngày 10/08/2009 của NHNNVN).

3. Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nâng cao tiện ích cho khách hàng, nâng cao tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập với nhu cầu vốn khoảng 50 tỷ đồng.**4. Các nhu cầu sử dụng vốn điều lệ năm 2010:**

- Nhu cầu mở rộng mạng lưới chi nhánh:	300 tỷ
- Nhu cầu tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động:	1.150 tỷ
- Nhu cầu Đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ, phát triển các sản phẩm dịch vụ:	<u>50 tỷ.</u>

Tổng nhu cầu sử dụng vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng.

Tiến độ sử dụng số vốn huy động tăng thêm:

Tiến độ sử dụng số vốn huy động tăng thêm để đầu tư và bổ sung hoạt động kinh doanh phù hợp với tiến độ tăng vốn điều lệ và/hoặc kết quả chào bán, tình hình thị trường và tiến độ thực hiện do HĐQT Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Công Thương quyết định.

PHẦN VIII**CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN****1. Tổ chức kiểm toán hàng năm:****▪ CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC**

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3.9.305.163

Fax: (08) 3.9.304.281

▪ CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Địa chỉ: Số 27 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3.848.5983

Fax: (08) 3.547.1838

2. Tổ chức tư vấn:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA (SBB)**

Địa chỉ: Lầu 5-6, 2C Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 3.914.3399

Fax: (08) 3.914.3388

Website : www.sbbs.com.vn

PHẦN IX**PHỤ LỤC**

1. **Phụ lục I** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. **Phụ lục II** Bản sao hợp lệ Điều lệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
3. **Phụ lục III** Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2008 và năm 2009.
4. **Phụ lục IV** Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán năm 2008 và năm 2009.
5. **Phụ lục V** Báo cáo tài chính hợp nhất đến thời điểm 31/3/2010 và báo cáo tài chính riêng lẻ đến thời điểm 31/3/2010
6. **Phụ lục VI** Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong năm 2010.
Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2010
Công văn của NHNN chấp thuận cho Saigonbank thay đổi vốn điều lệ.
Xác nhận mở tài khoản phong tỏa.
7. **Phụ lục VII** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD và BKS
8. **Phụ lục VIII** Hợp đồng tư vấn phát hành

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010.

CHỮ KÝ CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN PHƯỚC MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU HẠNH
KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ VIỆT ÁNH

HỨA TUẤN CƯỜNG

CHỮ KÝ CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA (SBB)

TỔNG GIÁM ĐỐC